

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2
-----NEDI2-----



Lào Cai, tháng 3 năm 2011

MỤC LỤC

I.	LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	1
1	Những sự kiện quan trọng.....	1
2	Quá trình phát triển.....	4
3	Định hướng phát triển.....	4
II.	BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	6
1	Công tác quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh	6
2	Đánh giá công tác quản lý kinh doanh năm 2010	7
III.	BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	10
1	Báo cáo tình hình tài chính	10
2	Báo cáo kết quả SXKD năm 2010	12
3	Tình hình thực hiện các dự án.....	13
4	Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2011.....	16
5	Kế hoạch chi tiết	18
IV.	BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....	21
V.	BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN.....	35
1	Kiểm toán độc lập	35
2	Kiểm toán nội bộ: Không có.....	36
VI.	CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN	37
1	Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức, công ty	37
2	Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do tổ chức, công ty nắm giữ	37
3	Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan	37
4	Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty liên quan	37
VII.	TỔ CHỨC NHÂN SỰ	38
1	Cơ cấu tổ chức của Công ty	38
2	Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành	40
3	Thay đổi Giám đốc điều hành trong năm.....	45
4	Quyền lợi của Ban Giám đốc.....	45
5	Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách với người lao động	45
6	Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng:.....	46
VIII.	THÔNG TIN CỔ ĐÔNG/THÀNH VIÊN GÓP VỐN VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY	47
1	Hội đồng quản trị, Chủ tịch và Ban kiểm soát.....	47
2	Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn	50

I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1 Những sự kiện quan trọng

1.1 Việc thành lập

Được thành lập ngày 06 tháng 05 năm 2004, Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2 (NEDI 2) là Công ty thành viên đầu tiên của Tổng Công ty cổ phần xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam (VINACONEX) hoạt động trong lĩnh vực đầu tư phát triển năng lượng.

Các cổ đông lớn của Công ty là Tổng Công ty cổ phần xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam (VINACONEX) và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV).

Các thông tin chính về Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2:

- Tên đầy đủ : Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2
- Tên tiếng Anh : Northern Electricity Development and Investment Joint Stock Company No.2
- Tên viết tắt : NEDI 2
- Trụ sở : Số 100 đường Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, TP Lào Cai, tỉnh Lào Cai.
- Điện thoại : (020) 8 23083
- Fax : (020) 823084
- Email : nedi2_hn@yahoo.com hoặc nedi2@nedi2.com.vn
- Website : www.nedi2.com.vn
- Mã số thuế : 5300215527

Vốn điều lệ của Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1203000019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp lần đầu ngày 06/05/2004, thay đổi lần thứ sáu (6) ngày 06/10/2008 là 500.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Năm trăm tỷ đồng chẵn*).

Cơ cấu vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Thành phần sở hữu	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam - VINACONEX	25.500.000	51.0%
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - BIDV	5.000.000	10.0%
Công ty cổ phần Xây dựng Công trình ngầm - VINAVICO	1.900.000	3,8%
Công ty cổ phần VIMECO	1.140.000	2,3%
Cổ đông khác	16.460.000	32,9%
Tổng số	50.000.000	100.0%

Cơ cấu vốn điều lệ thực góp tại thời điểm 31/12/2010:

Thành phần sở hữu	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam - VINACONEX	7.210.977	54,63%
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - BIDV	2.180.000	16,51%
Công ty cổ phần Xây dựng Công trình ngầm - VINAVICO	285.600	2,16%
Công ty cổ phần VIMECO	638.700	4,84%
Công ty cổ phần chứng khoán SME	700.000	5,30%
Các cổ đông pháp nhân khác	757.250	5,74%
Các cổ đông là thể nhân	1.428.100	10,82%
Tổng số	13.200.627	100.0%

1.2 Niêm yết

Hiện nay, Công ty NEDI2 đang thực hiện đầu tư hai dự án là dự án thủy điện Ngòi Phát và dự án đô thị thương mại Thủy Hoa tại địa bàn tỉnh Lào Cai. Do đó, căn cứ Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật hướng dẫn thi hành, Công ty chưa thực hiện đăng ký niêm yết chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán.

Tuy nhiên, để đảm bảo quyền lợi của các cổ đông, Công ty đã thực hiện đăng ký lưu ký chứng khoán tập trung tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam, đồng thời được Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội chấp thuận việc chính thức đưa cổ phiếu của Công ty cổ phần đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2 vào giao dịch trên thị trường UPCoM tại SGDCK Hà Nội với những nội dung sau:

- Tên chứng khoán: Cổ phiếu CTCP Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
- Mã chứng khoán: ND2
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch: 13.200.627 cổ phiếu
(Mười ba triệu hai trăm nghìn sáu trăm hai mươi bảy cổ phiếu)
- Tổng giá trị chứng khoán đăng ký giao dịch: 132.006.270.000 đồng
(Một trăm ba mươi hai tỷ không trăm linh sáu triệu hai trăm bảy mươi nghìn đồng)
- Ngày giao dịch chính thức: thứ Năm, ngày 22/07/2010

1.3 Các sự kiện khác

- Ngày 26/02/2008, tổ chức TUVNORD của CHLB Đức đã chính thức cấp

chứng chỉ số 44100082125 công nhận Hệ thống quản lý chất lượng của Công ty NEDI2 phù hợp tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2000;

- Ngày 11/03/2008 Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp nhận và công bố Công ty NEDI 2 là công ty đủ điều kiện trở thành công ty đại chúng đăng ký với UBCKNN với số vốn điều lệ là 380 tỷ đồng;
- Ngày 23/05/2008, Công ty NEDI2 ký hợp đồng thuê đất với UBND tỉnh Lào Cai để phục vụ xây dựng công trình thủy điện Ngòi Phát với diện tích đất thuê là 1.040.136 m² (một triệu, không trăm bốn mươi nghìn, một trăm ba sáu mét vuông) tại địa bàn 03 xã: Bản Vược, Bản Xèo và Dền Thàng, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai, thời hạn thuê đất là 50 năm kể từ năm 2008. Ngay sau khi hoàn tất việc ký kết hợp đồng, UBND tỉnh Lào Cai đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty;
- Ngày 31/07/2008, UBND tỉnh Lào Cai ban hành Quyết định số 2132/QĐ-UBND về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư Công trình thủy điện Ngòi Phát, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai do Công ty NEDI 2 làm chủ đầu tư dự án;
- Ngày 21/08/2008, Công ty NEDI2 và Công ty mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam ký kết Hợp đồng mua bán điện nhà máy thủy điện Ngòi Phát công suất 72 MW với giá bán điện bình quân 603 đồng/kWh (chưa bao gồm thuế GTGT). Đây là cơ sở pháp lý có ý nghĩa khẳng định vị trí quan trọng của dự án thủy điện Ngòi Phát trong hệ thống nguồn điện Quốc gia và tính hiệu quả cao của dự án. Dự kiến sau khi nhà máy đi vào vận hành sẽ tạo ra nguồn thu cho Chủ đầu tư khoảng 200 tỷ đồng/năm, góp phần vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Lào Cai và khu vực nói chung, đồng thời mang lại lợi ích cho các cổ đông của Công ty;
- Ngày 18/10/2008, Công ty NEDI2 ký Hợp đồng tín dụng cho dự án thủy điện Ngòi Phát với Sở giao dịch Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Phát triển Việt Nam Chi nhánh Lào Cai. Theo đó, các ngân hàng sẽ tài trợ cho dự án thủy điện Ngòi Phát với tổng giá trị hơn 972 tỷ đồng, bao gồm 535 tỷ đồng tín dụng đầu tư do Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam tài trợ và 437 tỷ đồng tín dụng đầu tư của Nhà nước do Ngân hàng Phát triển Việt Nam tài trợ;
- Ngày 28/10/2009, Công ty NEDI2 ký Hợp đồng cung cấp thiết bị cho các Gói thầu TB-01 “Cung cấp, vận chuyển, bảo hiểm, hiệu chỉnh, thiết bị cơ khí thủy công” và Gói thầu TB-02 “Cung cấp lắp đặt thiết bị cơ điện đồng bộ và các dịch vụ kỹ thuật” của Dự án thủy điện Ngòi Phát với Công ty cổ phần LILAMA 3 và ANDRITZ HYDRO Private Limited (Ấn Độ). Đây là 2 gói thầu thiết bị rất quan trọng, quyết định tiến độ hoàn thành của cả dự án thủy điện Ngòi Phát;
- Ngày 22/01/2010, Tổng công ty VINACONEX và Công ty NEDI2 đã long trọng tổ chức lễ chặn dòng dự án thủy điện Ngòi Phát;
- Ngày 27/09/2010, Tổng công ty VINACONEX và Công ty NEDI2 tổ chức trọng thể Lễ thông hầm đoạn 5 từ lý trình 5+890 đến lý trình 7+004.47;
- Ngày 18/12/2010, dự án thủy điện Ngòi Phát có công suất lắp máy 72 MW đăng ký thành công với Liên Hợp Quốc trở thành Dự án CDM. Sau khi Dự án đi vào vận hành sẽ mang lại thêm một nguồn thu đáng kể hằng năm cho Chủ Dự án là 2.303.729 USD, đồng thời góp phần giảm lượng khí phát thải toàn cầu tương đương 168.597 tấn CO₂/năm.

2 Quá trình phát triển

2.1 Ngành nghề kinh doanh

- Đầu tư, xây dựng và vận hành các dự án thủy điện tại tỉnh Lào Cai và các tỉnh miền Bắc;
- Tư vấn thiết kế các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, điện, thủy điện.
- Nhận thầu xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, điện, bưu chính viễn thông, thủy lợi, giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu cống, các công trình kỹ thuật, hạ tầng, đô thị và các khu công nghiệp, các công trình đường dây, trạm biến thế, thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu, cấp thoát nước, lắp đặt đường ống công nghệ và áp lực, điện lạnh và trang trí nội thất.
- Đầu tư và kinh doanh bất động sản, nhà ở, văn phòng cho thuê.
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn, du lịch sinh thái, khu vui chơi giải trí.
- Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị phục vụ xây dựng, vật liệu xây dựng.
- Khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng: đá, cát, sỏi.

2.2 Tình hình hoạt động

Kế thừa nhiều kinh nghiệm quý báu trong lĩnh vực đầu tư của VINACONEX, một Tổng Công ty đa doanh hàng đầu của ngành xây dựng Việt Nam, trong giai đoạn hiện nay Công ty NEDI 2 tập trung các hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu vào lĩnh vực đầu tư thủy điện và bất động sản.

Với những lĩnh vực đầu tư đầy tiềm năng, chắc chắn mang lại hiệu quả kinh tế cao đó, Công ty NEDI 2 đã và đang sáng tạo không ngừng để vượt qua thách thức, tận dụng cơ hội nhằm tạo ra nền tảng phát triển doanh nghiệp một cách nhanh chóng và bền vững.

Trải qua những năm tháng trưởng thành và phát triển, từng bước tạo dựng uy tín và thương hiệu của mình trên thị trường, luôn coi trọng yếu tố con người, Công ty NEDI 2 hiện nay có đội ngũ cán bộ, kỹ sư với kiến thức chuyên môn sâu và giàu kinh nghiệm, được các đối tác trong và ngoài nước tôn trọng, đánh giá cao và tin cậy thiết lập quan hệ hợp tác trong nhiều lĩnh vực.

3 Định hướng phát triển

➤ SỨ MỆNH

Phấn đấu xây dựng NEDI 2 trở thành một doanh nghiệp được thừa nhận rộng rãi về tính hiệu quả cao trong các lĩnh vực hoạt động tạo ra giá trị mới.

➤ GIÁ TRỊ CƠ BẢN

Đoàn kết, trung thực, cởi mở, hợp tác, luôn có ý thức tự hoàn thiện bản thân là giá trị cốt lõi trong chiến lược phát triển con người của NEDI 2.

Cam kết mang lại giá trị gia tăng cho khách hàng và các đối tác thông qua quá trình liên tục hoàn thiện phong cách làm việc chuyên nghiệp là ưu tiên hàng đầu trong chính sách chất lượng của NEDI 2.

Nâng cao năng lực sáng tạo, vượt qua thách thức, tận dụng cơ hội để đạt được lợi ích cao nhất, biến những ước mơ trở thành hiện thực là nền tảng cơ

bản trong chiến lược quản trị kinh doanh của NEDI 2.

Gắn kết hoạt động kinh doanh của NEDI 2 với các hoạt động phát triển cộng đồng và xã hội.

➤ **NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM**

Phát triển mọi mặt một cách nhanh chóng và bền vững để trở thành một nhà đầu tư có uy tín trong lĩnh vực phát triển Năng lượng và Bất động sản.

Tối đa hoá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, hoàn thiện phong cách làm việc chuyên nghiệp, tạo ra giá trị cho khách hàng và các Cổ đông của Công ty.

Phát huy tối đa năng lực của của cán bộ nhân viên, gắn liền tăng trưởng của Công ty với lợi ích mọi thành viên trong Công ty.

➤ **MỤC TIÊU CHÍNH TỪ NAY TỚI NĂM 2011**

Đầu tư thành công Dự án thủy điện Ngòi Phát công suất 72 MW tại tỉnh Lào Cai, phát điện vào lưới điện quốc gia đúng tiến độ.

Tìm kiếm cơ hội để tiếp tục triển khai đầu tư ít nhất một dự án thủy điện độc lập quy mô vừa tại các tỉnh miền Bắc.

Phát triển Dự án đô thị - thương mại Thủy Hoa tại thành phố Lào Cai thành một mô hình đầu tư và kinh doanh bất động sản thành công trong khu kinh tế cửa khẩu giữa hai nước Việt Nam - Trung Quốc.

Hình thành một lực lượng thi công mạnh dựa trên nền tảng khoa học công nghệ tiên tiến nhằm đáp ứng tính chủ động trong hoạt động đầu tư.

II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1 Công tác quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh

1.1 Đánh giá chung

Trong năm 2010, với những giải pháp của Chính phủ nhằm khắc phục khủng hoảng kinh tế do ảnh hưởng từ các năm 2008, 2009 đã có những chiều hướng tích cực, mặc dù hậu quả để lại còn tương đối nặng nề. Giá cả một số nguyên, nhiên vật liệu chính vẫn tăng cộng với việc bãi bỏ các gói kích cầu của Chính phủ đã ảnh hưởng xấu đến lĩnh vực đầu tư và xây dựng. Những tháng cuối năm, lãi suất cho vay của các Ngân hàng bắt đầu tăng trở lại, chênh lệch tỉ giá USD giữa thị trường và tỉ giá do Ngân hàng Nhà nước công bố ngày càng lớn, gây rất nhiều khó khăn cho doanh nghiệp trong việc nhập khẩu thiết bị. Bước sang những tháng đầu năm 2011 với việc Chính phủ ban hành một loạt những giải pháp chủ yếu tập trung kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô đảm bảo an sinh xã hội dự báo sẽ gây rất nhiều khó khăn và trở ngại cho các doanh nghiệp trong việc giải ngân các nguồn vốn vay thương mại, tín dụng Nhà nước cũng như việc huy động vốn từ các kênh khác (chứng khoán, trái phiếu) để duy trì mục tiêu sản xuất. Đặc biệt việc tăng giá một loạt các mặt hàng chiến lược đầu vào quan trọng: điện, xăng dầu, than, sắt thép, xi măng... sẽ ảnh hưởng và tác động lớn đến kế hoạch SXKD và đầu tư dự án của các Doanh nghiệp.

Đứng trước bối cảnh và tình hình chung, năm 2010 Công ty NEDI 2 đã có rất nhiều cố gắng, nỗ lực để đảm bảo tiến độ đầu tư các dự án đã và đang triển khai, cụ thể:

- Đối với dự án thủy điện Ngòi Phát: Các mục tiêu quan trọng đều cơ bản hoàn thành, giá trị thực hiện đầu tư năm 2010 đạt 92% so với kế hoạch. Các hạng mục công trình quan trọng như thi công hệ thống dẫn dòng và tổ chức Lễ chặn dòng Ngòi Phát, thi công đập đầu đầu mối đến cao trình vượt lũ an toàn, thi công đào và gia cố hầm dẫn nước, hầm áp lực, nhà máy đều đáp ứng được tiến độ đề ra, việc giải ngân vốn cho dự án được đảm bảo; Công ty cũng đã hoàn tất việc đăng ký phát triển dự án thủy điện Ngòi Phát trở thành dự án CDM. Đến thời điểm này, đây là một trong hai dự án thủy điện có quy mô lớn nhất ở Việt Nam đã đăng ký thành công với Liên Hợp Quốc trở thành Dự án thực hiện cơ chế phát triển sạch;
- Đối với dự án khu đô thị - thương mại Thủy Hoa: Hoàn thành các thủ tục pháp lý của dự án: UBND tỉnh Lào Cai đã cấp Giấy chứng nhận đầu tư dự án, hoàn thành việc lập, điều chỉnh tổng mức đầu tư và kế hoạch đấu thầu. Hiện nay, Công ty đang bắt đầu thực hiện đầu tư giai đoạn 1 của dự án, đồng thời hoàn chỉnh phương án sản xuất kinh doanh tổng thể của Dự án để trình cấp có thẩm quyền thông qua trước khi triển khai;
- Đối với các công việc khác: Công ty đã hoàn thành việc đăng ký lưu ký chứng khoán tập trung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán (VSD). 13.200.627 cổ phiếu của NEDI2 với mã chứng khoán là ND2 đã chính thức giao dịch trên thị trường UPCoM tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội từ tháng 7/2010, tạo điều kiện cho giao dịch của các cổ đông được thuận lợi hơn.

Với tất cả các hoạt động có hiệu quả trên đã góp phần nâng cao vị thế của NEDI 2 trong quan hệ với các đối tác và khách hàng, nhằm từng bước phấn đấu xây dựng NEDI2 trở thành một doanh nghiệp được thừa nhận rộng rãi về tính hiệu quả cao trong lĩnh vực hoạt động đầu tư nói chung. Đây cũng là

bước tiến quan trọng cho sự phát triển dài hạn của công ty trong những năm tiếp theo. Chi tiết đã được Ban Giám đốc trình bày trong Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2010.

2 Đánh giá công tác quản lý kinh doanh năm 2010

Trong năm 2010, công ty tiếp tục kiện toàn bộ máy và xây dựng cơ chế quản lý, vận hành thống nhất từ Công ty đến đơn vị trực thuộc thông qua hệ thống quản lý được chuẩn hóa và từng bước ứng dụng công nghệ thông tin, tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác quản lý và điều hành xuyên suốt từ Công ty đến đơn vị trực thuộc và các phòng ban, đồng thời phát huy nội lực, tính chủ động, sáng tạo của các đơn vị, nhất là Ban quản lý dự án Ngòi Phát.

Trên cơ sở Điều lệ tổ chức và hoạt động, Công ty đã từng bước tạo dựng được môi trường làm việc dân chủ, khoa học, tối ưu hoá thời gian, phát huy năng lực, kinh nghiệm, trí tuệ của từng thành viên; định kỳ tổ chức các phiên họp tập trung để thảo luận tình hình kinh doanh và đầu tư, chiến lược phát triển, xây dựng và phát triển văn hóa doanh nghiệp và thương hiệu NEDI 2.

Ban giám đốc đã có nhiều nỗ lực trong việc chỉ đạo tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, kịp thời nắm bắt các cơ hội kinh doanh để gia tăng các lợi ích cho Công ty, hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch được giao bằng mọi nguồn lực có thể. Đồng thời từng bước kiện toàn bộ máy quản lý của Công ty, tổ chức sắp xếp nhân sự các Phòng nghiệp vụ, Ban quản lý theo hướng phát triển theo trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và yêu cầu nhiệm vụ qua đó phân định và xác định rõ ràng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn trách nhiệm của từng phòng, ban.

Trên cơ sở phân tích tình hình trong năm 2011: khả năng về huy động nguồn vốn, đánh giá năng lực nhà thầu, tiến độ thực hiện các dự án,...Hội đồng quản trị, Ban giám đốc triển khai một số công tác chủ yếu trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch năm 2011 cho phù hợp với tình hình thực tế.

2.1 Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2011

a. Các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu năm 2011

Stt	Các chỉ tiêu chủ yếu	Đơn vị	Thực hiện năm 2010	Kế hoạch năm 2011	Tốc độ tăng trưởng
I	KẾ HOẠCH SXKD	tỷ đồng	321,85	513,00	159%
A	Đầu tư xây dựng	tỷ đồng	309,72	497,18	161%
1	Thủy điện Ngòi Phát	tỷ đồng	304,57	443,42	146%
2	Khu ĐT-TM Thủy Hoa	tỷ đồng	5,15	53,76	1044%
B	Tiền lương	tỷ đồng	7,43	11,301	152%
	Chi phí tiền lương	tỷ đồng	7,43	11,301	
C	Lao động				
	Tổng số lao động	người	54	99	183%
D	Chi phí khác (ngoài lương)	tỷ đồng	4,70	4,52	96%
1	Chi phí thường xuyên	tỷ đồng	2,36	2,00	
2	Chi phí mua sắm TSCĐ, trang thiết bị văn phòng	tỷ đồng	1,05	0,24	
3	Chi phí sửa chữa lớn, khấu hao TSCĐ	tỷ đồng	0,16	0,30	
4	Chi phí khác	tỷ đồng	1,13	1,98	
II	KẾ HOẠCH GIẢI NGÂN	tỷ đồng	225,70	459,34	204%

b. Ước thực hiện đầu tư dự án trong Quý I/2011

Stt	Dự án đầu tư	Đơn vị	Kế hoạch năm 2011	Ước TH Quý I/2011	Lũy kế đến Quý I/2011
1	Thủy điện Ngòi Phát	tỷ đồng	443,42	80,28	634,4
2	Khu ĐT-TM Thủy Hoa	tỷ đồng	53,76	2,36	13,7
	Cộng	tỷ đồng	497,18	82,64	648,1

2.2 Những thuận lợi, khó khăn

Những thuận lợi và khó khăn trong năm 2011 đã được Ban điều hành Công ty trình bày chi tiết trong báo cáo kết quả SXKD nhưng có thể đánh giá chung là trong năm 2011 sẽ là năm cực kỳ khó khăn trong việc triển khai 2 dự án Công ty NEDI2 đang thực hiện đầu tư và đặc biệt đối với Thủy điện Ngòi Phát với áp lực chúng ta phải hoàn thành xây dựng và đi vào vận hành trong năm nay.

2.3 Định hướng chung

Xuất phát từ tình hình cụ thể và định hướng của Công ty, các mục tiêu nhiệm vụ trọng tâm cần tập trung thực hiện trong năm 2011 là:

- Hoàn thành dự án nhà máy thủy điện Ngòi Phát và đưa vào vận hành bắt đầu từ cuối quý IV năm 2011;

- Hoàn thành việc tái cơ cấu cổ đông Công ty thông qua việc hợp tác với các Nhà đầu tư có nguồn lực mạnh về tài chính, có mục tiêu và chiến lược kinh doanh phù hợp để trở thành cổ đông lớn của Công ty, đồng thời đảm bảo việc huy động đủ vốn điều lệ thực góp của Công ty là 500 tỷ, đủ điều kiện để tham gia giải ngân đối ứng và hoàn thành dự án đã đầu tư;
- Tiếp tục tìm kiếm đầu tư các dự án thủy điện vừa và nhỏ ở khu vực phía Bắc, các dự án đầu tư bất động sản có tiềm năng để nghiên cứu cơ hội và thực hiện đầu tư, đồng thời là tiền đề để đưa Công ty phát triển ngày càng bền vững.

III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1 Báo cáo tình hình tài chính

1.1 Các chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2010	Năm 2009
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	29,12	37,49
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	70,88	62,51
Cơ cấu vốn			
Nợ phải trả/Tổng tài sản	%	76,40	60,16
Vốn Chủ sở hữu/Tổng tài sản	%	23,60	39,84
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán tổng quát	lần	1,31	36,00
Khả năng thanh toán hiện hành	lần	1,77	13,50
Khả năng thanh toán nhanh	lần	1,77	1,79
Khả năng sinh lời			
Tỷ suất sinh lời trên tài sản (ROA)	%	0,11	0
Tỷ suất sinh lời trên vốn cổ phần (ROE)	đồng	53	0

1.2 Phân tích và đánh giá các chỉ tiêu tài chính

- **Chỉ tiêu cơ cấu tài sản:** so với năm 2009, các chỉ tiêu cơ cấu tài sản hiện tại của Công ty được cải thiện tốt hơn, do Ban giám đốc đã quyết liệt chỉ đạo các nhà thầu đẩy nhanh tiến độ thi công trên công trường, đồng thời làm tốt công tác nghiệm thu, thanh quyết toán và thu hồi giá trị tạm ứng cho các nhà thầu. Vì vậy giá trị đầu tư xây dựng cơ bản dở dang năm nay so năm 2009 tăng 193,7% làm cho giá trị tài sản cố định và đầu tư dài hạn cũng như tổng giá trị tài sản tăng, trong khi tỷ lệ giá trị tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn mà đặc biệt là tỷ lệ trả trước cho người bán lại giảm xuống.
- **Chỉ tiêu cơ cấu vốn:** chỉ tiêu Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn tăng so năm 2009 trong khi chỉ tiêu Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn giảm phản ánh việc gia tăng giải ngân bằng các nguồn vốn tự có của Công ty chưa tương xứng với tốc độ giải ngân từ các nguồn tín dụng. Để tình hình tài chính khả quan hơn trong năm 2011, Công ty cần có phương án phát hành cổ phần để tăng vốn điều lệ, tăng cường giải ngân vốn tự có để cân bằng cơ cấu vốn của Công ty.
- **Các chỉ tiêu khả năng thanh toán:** so với năm 2009, các chỉ tiêu khả năng thanh toán năm 2010 đều được điều chỉnh về mức độ hợp lý hơn nhưng vẫn đảm bảo hệ số an toàn. Điều đó cho thấy Công ty đã hoạt động hiệu quả hơn trong việc sử dụng vốn tự có, công tác quản lý hàng tồn kho, thu hồi nợ, thu hồi giá trị tạm ứng cho các nhà thầu, đồng thời gia tăng tỷ lệ chiếm dụng vốn của các đối tác thông qua giá trị giữ lại theo hợp đồng chưa phải thanh toán ngay trong quá trình nghiệm thu, thanh quyết toán.
- **Các chỉ tiêu khả năng sinh lời:** Hiện nay, Công ty đang trong thời gian đầu tư, các dự án chưa đi vào vận hành khai thác nên chưa phát sinh lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính. Tỷ suất sinh lời trên tài sản (ROA) năm

2010 là 0,11% là từ lợi nhuận các hoạt động tài chính đóng góp, do sự điều hành tiền tệ linh hoạt của Ban giám đốc trong việc cân đối kế hoạch giải ngân, sử dụng một phần vốn tự có chưa dùng đến để tạo ra lợi nhuận tài chính và làm tăng tỷ suất sinh lợi trên vốn cổ phần bằng 53 đồng/CP.

1.3 ***Phân tích những biến động, những thay đổi lớn và nguyên nhân***

Dự án đầu tư	Đơn vị	Thực hiện 2009	Thực hiện 2010	Tốc độ tăng trưởng
Thủy điện Ngòi Phát	tỷ đồng	168,14	304,57	181%
Khu ĐT-TM Thủy Hoa	tỷ đồng	0,68	5,15	750%
Cộng	tỷ đồng	168,82	309,72	183%

Năm 2010, Công ty NED12 đã hoạt động đầu tư xây dựng với tiến bộ vượt bậc so với năm 2009 với tốc độ tăng trưởng chung rất cao, đạt trên 183%.

Có thể nói, hoạt động đầu tư xây dựng tại hai dự án thủy điện Ngòi Phát và khu đô thị thương mại Thủy Hoa - nhiệm vụ chính của Công ty hiện nay, đang có những tín hiệu tốt mặc dù bối cảnh nền kinh tế nói chung có rất nhiều khó khăn. Những thành tích đáng phấn khởi trên là do Công ty đã nhận được rất nhiều sự giúp đỡ tận tình, chỉ đạo sáng suốt của lãnh đạo Tổng công ty VINACONEX, của các đối tác chiến lược mà nổi bật là Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam BIDV đã tạo mọi điều kiện ủng hộ Công ty. Bên cạnh đó Công ty đã lựa chọn được các nhà thầu có năng lực và kinh nghiệm trong và ngoài nước để thực hiện các gói thầu quan trọng của dự án như Công ty CP VIMECO, Công ty CP VINACONEX7, Công ty xây dựng và lắp đặt thủy điện Triết Giang, Công ty CP LILAMA3, Công ty Andritz Hydro, Công ty CP Sông Đà 6 v.v.

1.4 ***Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2010***

Vốn chủ sở hữu	đồng	144.223.383.771
Nguồn vốn cổ phần	đồng	132.006.277.633
Giá mỗi cổ phần	đồng	10.000
Số lượng cổ phần	CP	13.200.627
Giá trị sổ sách mỗi cổ phần	đồng/CP	10.925

1.5 ***Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp***

Trong năm 2010, Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2 không có thay đổi về vốn cổ đông và vốn góp.

1.6 ***Tổng số cổ phiếu theo từng loại***

Số lượng	: 13.200.627 cổ phần
Mệnh giá	: 10.000 đồng/cổ phần
Loại cổ phiếu	: cổ phần phổ thông

1.7 ***Tổng số trái phiếu đang lưu hành theo từng loại***

Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2 không có trái phiếu đang lưu hành.

1.8 ***Số cổ phiếu đang lưu hành***

Số lượng	: 13.200.627 cổ phần
Mệnh giá	: 10.000 đồng/cổ phần
Loại cổ phiếu	: cổ phần phổ thông

1.9 Cổ tức, lợi nhuận chia cho thành viên góp vốn

Đại hội đồng cổ đông thường niên 2011 của Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2 thông qua Nghị quyết quyết định chưa chia cổ tức, lợi nhuận cho thành viên góp vốn. Lợi nhuận còn lại chưa phân phối của năm 2010 chuyển sang năm 2011 là 697.072.133 đồng.

2 Báo cáo kết quả SXKD năm 2010

2.1 Những thuận lợi, khó khăn trong năm 2010

Từ cuối năm 2009 đến những tháng đầu năm 2010, những giải pháp của Chính phủ nhằm khắc phục khủng hoảng kinh tế đã có những chiều hướng tích cực, tuy nhiên hậu quả để lại vẫn hết sức nặng nề. Giá cả thị trường nói chung và giá nguyên, nhiên vật liệu như: xăng dầu, sắt thép, xi măng, điện vẫn tăng cao cộng với việc bãi bỏ các gói kích cầu của Chính phủ đã ảnh hưởng xấu đến lĩnh vực đầu tư và xây dựng. Thiên tai trong nước khắc nghiệt cùng với những trận mưa, lũ lớn liên tiếp xảy ra, ảnh hưởng không nhỏ đến sản xuất và đời sống dân cư; càng về cuối năm lạm phát càng có dấu hiệu tăng cao, lãi suất ngân hàng tăng mạnh trở lại làm cho các doanh nghiệp nói chung gặp rất nhiều khó khăn trong việc huy động vốn. Đối với Công ty NED12, quá trình thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2010 đã gặp những khó khăn, thuận lợi như sau:

a. Thuận lợi:

Công ty đã ký Hợp đồng tài trợ vốn cho dự án thủy điện Ngòi Phát từ năm 2008, nguồn vốn giải ngân tương đối ổn định. Đối với các Hợp đồng cung cấp thiết bị ký với Nhà thầu nước ngoài, Công ty ký theo hình thức Hợp đồng trọn gói, do đó đã giảm thiểu tác động do biến động của giá vật tư, nguyên vật liệu đầu vào trên thị trường thế giới. Phần lớn các hợp đồng cho các gói thầu quan trọng của dự án đều đã được ký kết với các nhà thầu có uy tín và năng lực trong và ngoài nước.

Thị trường bất động sản tại Lào Cai đã có những tín hiệu tốt sau khi Chính phủ phát lệnh khởi công tuyến đường cao tốc Hà Nội - Lào Cai nhằm hiện thực hoá tuyến hành lang kinh tế Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, đồng thời là cầu nối, cửa ngõ không chỉ của Việt Nam mà cả các nước ASEAN với thị trường Vân Nam và Miền Tây Trung Quốc trong khu vực mậu dịch tự do ASEAN - Trung Quốc (CAFTA).

b. Khó khăn:

Những tháng cuối năm, lãi suất cho vay của các Ngân hàng bắt đầu tăng trở lại, chênh lệch tỉ giá USD giữa thị trường và tỉ giá do Ngân hàng Nhà nước công bố ngày càng lớn (có thời điểm chênh lệch trên dưới 2000đ/USD), gây rất nhiều khó khăn cho Công ty trong việc thanh toán bằng ngoại tệ để nhập khẩu thiết bị. Đồng thời, mặt bằng giá xây dựng bắt đầu có xu hướng tăng từ cuối quý 4/2010, giá vật tư, vật liệu xây dựng tăng liên tục (đặc biệt là sắt thép và xăng dầu, điện...), điều này cũng gây khó khăn trực tiếp đến hoạt động sản xuất của các nhà thầu, làm chi phí đầu tư xây dựng tăng cao.

Nguồn vốn của các cổ đông đóng góp để đảm bảo vốn điều lệ là 500 tỷ không

kip thời, đến nay tổng vốn điều lệ của Công ty mới chỉ là 132 tỷ đồng, đạt 26% vốn điều lệ đăng ký. Trong khi đó, hợp đồng tín dụng ký với các ngân hàng tài trợ vốn cho dự án Thủy điện Ngòi Phát quy định Công ty luôn phải đảm bảo tỉ lệ vốn tự có tham gia giải ngân đạt tối thiểu là 30% tổng các nguồn vốn giải ngân cho dự án, dẫn đến việc triển khai một số hạng mục của dự án không đáp ứng kịp thời tiến độ đề ra và ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả chung của dự án.

Dưới các tác động tiêu cực của kinh tế vĩ mô trong nước và quốc tế năm 2010, thị trường chứng khoán Việt Nam âm ảm, liên tục mất điểm trong một thời gian dài, trong lúc nhiều doanh nghiệp có kế hoạch nâng vốn điều lệ bằng việc phát hành một lượng lớn cổ phiếu ra thị trường chứng khoán. Điều đó làm cho nhiều cổ phiếu tốt cũng mất tính hấp dẫn, dẫn đến công tác tìm kiếm cổ đông chiến lược tiềm năng tham gia Công ty nhằm đảm bảo vốn điều lệ 500 tỷ càng thêm khó khăn.

2.2 Các chỉ tiêu thực hiện

TT	Dự án đầu tư	Kế hoạch (tỷ đồng)	Thực hiện (tỷ đồng)	Tỉ lệ % TH/KH
1	Thủy điện Ngòi Phát	329,7	304,57	92%
2	Khu ĐT-TM Thủy Hoa	20,08	5,15	26%
	Cộng	349,78	309,72	89%

3 Tình hình thực hiện các dự án

3.1 Dự án thủy điện Ngòi Phát

➤ Tổng quan về dự án

Công trình thủy điện Ngòi Phát công suất 72 MW, xây dựng trên Ngòi Phát nằm trên địa bàn 03 xã bản Vược, Bản Xèo và Dền thành, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai, dự án có tổng mức đầu tư 1.457,29 tỷ đồng. Nhiệm vụ chính của công trình: cung cấp điện năng cho khu vực Lào Cai qua lưới điện Quốc gia với điện lượng trung bình hàng năm 313,9 triệu Kwh. Tiến độ thực hiện dự án:

- Khởi công hạng mục công trình chính : quý 03 năm 2007.
- Hoàn thành : quý 04 năm 2011.

➤ Công tác thi công xây dựng năm 2010

Công tác thực hiện đầu tư năm 2010 đạt 92% kế hoạch năm, các công việc đã thực hiện:

a. Công trình chính:

- Hàm dẫn nước: (thi công từ Km0+45 đến Km7+004,47), khối lượng đào đạt 5.735,8 m/6.959,4m dài hàm, đạt 82%.
- Hàm áp lực: khối lượng đào đạt 1.156,4 m/1.156,4 mét dài, đạt 100%.
- Đào xúc đất, đá ngoài hồ các loại:
 - o Hồ móng đập đầu mỗi giai đoạn 1 và 2: khối lượng đào xúc đất, đá: 244.471 m³, đạt 98,5%, công tác khoan cắm neo gia cố mái: 12.406md, đạt 68%; phun vữa bê tông gia cố mái: 9.670m², đạt trên 80%.
 - o Hoàn thành thi công Hồ móng nhà máy giai đoạn 1 và 2, khối lượng

đào xúc đất, đá đạt: 293.079 m³, đạt 100%, bắt đầu thi công bê tông nhà máy, trạm ORY và kênh xả từ tháng 12/2010.

- Công tác bê tông:
 - o Đã hoàn thành đổ bê tông cống dẫn dòng, tường trọng lực và đổ bê tông thân đập tràn đến cao trình 416,5m đạt 9.263m³.
 - o Hoàn thành công tác đào giếng tháp điều áp (phần hầm) và đổ bê tông tháp điều áp (phần hở), khối lượng đạt 1.410 m³.
 - o Đường dây tải điện 110 kV đấu nối nhà máy vào HTĐ điện quốc gia:
 - o Đường dây mạch kép dài 15 Km: Đã hoàn thành.
 - o Đường dây mạch đơn dài 4 km: Đã ký hợp đồng với nhà thầu từ tháng 11/2010, dự kiến hoàn thành trong tháng 04/2011.

b. Công trình phục vụ:

- Cơ bản đã hoàn thành toàn bộ hầm phụ thi công (khối lượng đào đạt 1.020/1020md); hoàn thành toàn bộ các tuyến đường phục vụ thi công trên công trường;
- Cơ bản hoàn thành việc quy hoạch và xây dựng các vị trí lán trại, phụ trợ trên công trường (nhà ở cán bộ, công nhân, kho xưởng, kho mìn, trạm trộn bê tông,...);

c. Các gói thầu thiết bị:

- Trong năm 2009, Công ty đã hoàn thành công tác đấu thầu, thương thảo và ký hợp đồng các gói thầu thiết bị của dự án, là các Gói thầu cung cấp thiết bị cơ khí thủy công và Gói thầu thiết bị công nghệ. Trong năm 2010 các nhà cung cấp đã hoàn thành công tác thiết kế chế tạo, thực hiện sản xuất và bắt đầu cung cấp thiết bị cho dự án đảm bảo tiến độ đề ra.

d. Các công việc khác:

- Hoàn thành việc đăng ký phát triển dự án thủy điện Ngòi Phát trở thành dự án CDM: Trong tháng 12/2010, Ban chấp hành Ủy ban biến đổi khí hậu toàn cầu của Liên Hợp Quốc (EB) đã cấp Chứng chỉ giảm khí phát thải (CERs) cho dự án trong thời hạn 10 năm (từ năm 2011 - 2020). Sau khi đăng ký xong và dự án Thủy điện Ngòi Phát đi vào vận hành, doanh thu sẽ mang lại cho Công ty từ việc bán chứng chỉ giảm phát thải (ngoài doanh thu bán điện) khoảng trên 1,7 triệu EUR/năm.
- Công tác giải phóng mặt bằng: Hiện nay, công tác giải phóng mặt bằng đáp ứng tốt tiến độ của dự án, giá trị thực hiện đền bù từ đầu công trình ước đạt trên 70% tổng giá trị đền bù và GPMB được phê duyệt;
- Lực lượng vận hành nhà máy thủy điện Ngòi Phát: Công ty đã tổ chức tuyển chọn đội ngũ vận hành nhà máy có chất lượng với 10 kỹ sư điện và 45 công nhân kỹ thuật cơ - điện đã qua đào tạo, có bậc thợ từ 3/7 trở lên. Hiện nay, đội ngũ vận hành đang được đào tạo chuyên môn sâu tại Trường công nhân kỹ thuật Sông Đà và thực tập tại nhà máy thủy điện Hoà Bình.
- Duy trì và đảm bảo tốt công tác an toàn lao động, vệ sinh môi trường, an ninh trật tự trên công trường trong quá trình triển khai dự án.

3.2 Dự án khu đô thị thương mại Thủy Hoa

➤ **Tổng quan về dự án**

Địa điểm xây dựng: đường Thủy Hoa, phường Duyên Hải, Tp Lào Cai, tỉnh Lào Cai. Dự án có tổng mức đầu tư (sau khi đã điều chỉnh): **220 tỷ đồng**, Tổng mặt bằng dự án là 5160 m². Tiến độ thi công dự án là: 36 tháng, chia làm 2 giai đoạn:

Giai đoạn 1: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật, khu nhà chia lô, khu nhà biệt thự và toà nhà thương mại 5 tầng:

- Khởi công: tháng 10/2010;
- Thời gian xây dựng: 12 tháng;

Giai đoạn 2: Xây dựng khối nhà văn phòng - chung cư 15 tầng và hoàn thiện toàn bộ dự án:

- Bắt đầu thực hiện: tháng 10/2011;
- Thời gian xây dựng: 24 tháng;
- Thời điểm bắt đầu kinh doanh: Dự kiến quý IV/2013.

➤ **Các công việc thực hiện trong năm 2010**

- Hoàn thành các thủ tục pháp lý của dự án: UBND tỉnh Lào Cai đã cấp Giấy chứng nhận đầu tư dự án, hoàn thành việc lập, điều chỉnh Tổng mức đầu tư và kế hoạch đấu thầu. Hiện nay, Công ty đang hoàn chỉnh phương án sản xuất kinh doanh dự án và trình HĐQT Công ty phê duyệt trước khi triển khai;
- Bắt đầu thu xếp nguồn vốn vay thương mại để đầu tư giai đoạn 1: Ngân hàng Techcombank - Lào Cai đã chấp thuận về nguyên tắc sẽ thu xếp vốn giai đoạn 1 cho dự án với tổng mức vay: 26,5 tỷ đồng; dự kiến hai bên sẽ đàm phán và kết hợp đồng tín dụng và nguồn vốn này bắt đầu giải ngân từ quý II/2011;
- Triển khai thực hiện giai đoạn 1 từ tháng 9/2010: Thi công gói thầu xây dựng XL04-1: “Phần móng và tầng hầm nhà A1”; Đồng thời đang tổ chức đấu thầu gói thầu: “Tư vấn thiết kế giai đoạn 2” và chuẩn bị triển khai các gói thầu xây dựng tiếp theo của giai đoạn 1.

3.3 Đánh giá chung

- Đối với dự án thủy điện Ngòi Phát: Sau khi Chủ đầu tư hoàn chỉnh thiết kế kỹ thuật và thiết kế bản vẽ thi công các hạng mục công trình được cấp theo tiến độ, bối cảnh tình hình huy động nguồn vốn tự có để đối ứng với vốn vay Ngân hàng gặp rất nhiều khó khăn. Tuy nhiên, phải nhìn nhận, các nhà thầu là đơn vị thành viên trong Tổng công ty CP Vinaconex là Công ty Vimeco, Công ty xây dựng số 7 và các nhà thầu khác như Lilama 3, Xây lắp điện 4 và Công ty Triết Giang đã nỗ lực rất nhiều trong việc huy động, tập kết nhân lực, xe máy thiết bị và đẩy mạnh triển khai thi công các hạng mục chính trên công trường. Các hạng mục công trình quan trọng như thi công hệ thống dẫn dòng và tổ chức Lễ chặn dòng Ngòi Phát, thi công đập đầu đầu mối đến cao trình vượt lũ an toàn, thi công đào và gia cố hầm dẫn nước và hầm áp lực đều đáp ứng được tiến độ đề ra.
- Đối với dự án khu đô thị thương mại Thủy Hoa: do thị trường bất động sản của tỉnh Lào Cai đã bắt đầu có dấu hiệu khởi sắc từ giữa năm 2010. Năm bắt được chiều hướng đó, bắt đầu từ quý III/2010, Công ty đã tập trung

hoàn tất toàn bộ các thủ tục pháp lý còn lại, xây dựng phương án kinh doanh và khai thác Dự án và sau khi được Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt thông qua sẽ triển khai Dự án một cách đồng bộ từ năm 2011. Trong giai đoạn 1, sẽ tập trung đầu tư khu nhà 5 tầng, khu nhà chia lô và biệt thự (thi công xây dựng trong vòng 12 tháng).

- Công tác huy động vốn tự có: Tại những thời điểm khó khăn nhất, Công ty đã kịp thời đề nghị Tổng công ty CP Vinaconex đóng góp một phần vốn tự có cam kết nắm giữ. Bên cạnh đó, Công ty đã rất nỗ lực chủ động trong việc tìm kiếm nhà đầu tư chiến lược có nguồn lực về tài chính, có mục tiêu và chiến lược kinh doanh phù hợp với định hướng của Công ty, tuy nhiên trong bối cảnh từ cuối năm 2010 và đặc biệt những tháng đầu năm 2011, thị trường chứng khoán kém sôi động, giao dịch ảm đạm do ảnh hưởng của chính sách kiểm chế lạm phát của Chính phủ, nên việc chào bán cổ phần của Công ty cho Nhà đầu tư chiến lược gặp rất nhiều khó khăn.
- Công tác quản trị Công ty: Tiếp tục công tác kiện toàn bộ máy tổ chức theo định hướng chuyên môn hóa nhằm nâng cao hiệu quả công việc, phối hợp chặt chẽ trong công tác quản lý giữa Ban QLDA thủy điện Ngòi Phát và Công ty, duy trì ổn định hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000, quản trị điều hành Công ty thông qua việc khai thác có hiệu quả hệ thống văn phòng điện tử E-Office.
- Đăng ký giao dịch cổ phiếu NED12 trên thị trường chứng khoán: Công ty đã hoàn thành việc đăng ký lưu ký chứng khoán tập trung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán (VSD). Từ ngày 22/07/2010, 13.200.627 cổ phiếu NED12 với mã chứng khoán là ND2 đã chính thức giao dịch trên thị trường UPCoM tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.
- Các tổ chức đoàn thể đều phát huy vai trò của mình, làm tốt công tác chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, đặc biệt các dự án của đơn vị ở vùng sâu, vùng xa, giúp người lao động ổn định tư tưởng, gắn bó với công việc và đơn vị. Thu nhập của CBCNV trong toàn công ty tăng lên so với năm trước.

4 Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2011

4.1 Những thuận lợi và khó khăn

a. Thuận lợi

Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2011 vẫn tập trung chủ yếu vào việc đầu tư dự án thủy điện Ngòi Phát với quyết tâm hoàn thành dự án quý IV/2011, đồng thời triển khai giai đoạn 1 dự án đô thị - thương mại Thủy Hoa. Để thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2011, Công ty NED12 có những thuận lợi cơ bản sau:

- Các hợp đồng chính của dự án đã được chủ đầu tư ký với các nhà thầu thi công, hiện nay các hợp đồng đang được triển khai đồng loạt trên công trường.
- Thị trường bất động sản tại Lào Cai đã có những tín hiệu tốt sau khi Chính phủ phát lệnh khởi công tuyến đường cao tốc Hà Nội - Lào Cai nhằm hiện thực hoá tuyến hành lang kinh tế Côn Minh- Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, đồng thời là cầu nối, cửa ngõ không chỉ của Việt Nam mà cả các nước ASEAN với thị trường Vân Nam và Miền Tây Trung Quốc trong khu vực mậu dịch tự do ASEAN - Trung Quốc (CAFTA).

b. Khó khăn

Với những giải pháp đồng bộ Chính phủ đã ban hành từ đầu năm, có thể nói năm 2011 sẽ là năm cực kỳ khó khăn trong việc triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2011. Đặc biệt là các vấn đề về nguồn vốn đầu tư, giá vật liệu đầu vào tăng cao sẽ ảnh hưởng lớn các dự án đầu tư đã và đang triển khai, cụ thể:

- Trong bối cảnh hình kinh tế thế giới hiện đang diễn biến phức tạp, lạm phát tăng, giá dầu thô, giá nguyên vật liệu cơ bản đầu vào của sản xuất, giá lương thực, thực phẩm trên thị trường thế giới tiếp tục xu hướng tăng cao trong nước, thiên tai, thời tiết tác động bất lợi đến sản xuất và đời sống; một số mặt hàng là đầu vào quan trọng của sản xuất như điện, xăng dầu vẫn chưa thực hiện đầy đủ theo cơ chế giá thị trường buộc phải điều chỉnh tăng.
- Tình hình trên đây đã làm tăng nguy cơ mất ổn định kinh tế vĩ mô của nước ta; dẫn đến giá các vật liệu đầu vào của dự án tăng cao, ảnh hưởng trực tiếp đến các dự án đầu tư và nguy cơ có thể làm tăng tổng vốn đầu tư so với dự kiến của dự án do Công ty đầu tư.

Ngày 24/2/2011 Chính phủ có Nghị Quyết số 11/NQ-CP về những giải pháp chủ yếu tập trung kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô đảm bảo an sinh xã hội. Ảnh hưởng của Nghị Quyết này đến việc thực hiện đầu tư các dự án của Công ty NEDI2 như sau:

- Chính phủ sẽ tập trung ưu tiên vốn tín dụng phục vụ phát triển sản xuất kinh doanh, nông nghiệp, nông thôn, xuất khẩu, công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp nhỏ và vừa; giảm tốc độ và tỷ trọng vay vốn tín dụng của khu vực phi sản xuất, nhất là lĩnh vực bất động sản, chứng khoán dẫn đến các dự án của Công ty đang thực hiện sẽ gặp nhiều trở ngại về vấn đề giải ngân các nguồn vốn vay thương mại và tín dụng đầu tư của Nhà nước.
- Đối với việc huy động vốn tự có để đảm bảo vốn điều lệ thực góp của Công ty đạt 500 tỷ đồng cũng sẽ gặp rất nhiều khó khăn do Thị trường Chứng khoán năm 2011 không còn hấp dẫn và sôi động như trước vì chịu tác động lớn từ chính sách kiềm chế lạm phát và thắt chặt tín dụng của Chính phủ.

4.2 Các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu năm 2011

Stt	Các chỉ tiêu chủ yếu	Đơn vị	Thực hiện năm 2010	Kế hoạch năm 2011	Tốc độ tăng trưởng
I	KẾ HOẠCH SXKD	tỷ đồng	321,85	513,00	159%
A	Đầu tư xây dựng	tỷ đồng	309,72	497,18	161%
1	Thủy điện Ngòi Phát	tỷ đồng	304,57	443,42	146%
2	Khu ĐT-TM Thủy Hoa	tỷ đồng	5,15	53,76	1044%
B	Tiền lương	tỷ đồng	7,43	11,301	152%
	Chi phí tiền lương	tỷ đồng	7,43	11,301	
C	Lao động				
	Tổng số lao động	người	50	99	198%
D	Chi phí khác (ngoài lương)	tỷ đồng	4,70	4,52	96%
1	Chi phí thường xuyên	tỷ đồng	2,36	2,00	
2	Chi phí mua sắm TSCĐ, trang thiết bị văn phòng	tỷ đồng	1,05	0,24	
3	Chi phí sửa chữa lớn, khấu hao TSCĐ	tỷ đồng	0,16	0,30	
4	Chi phí khác	tỷ đồng	1,13	1,98	
II	Kế hoạch giải ngân	tỷ đồng	225,70	459,34	204%

5 Kế hoạch chi tiết

5.1 Dự án thủy điện Ngòi Phát

a. Đập đầu mối

Hoàn thành thi công bê tông đập đầu mối đến cao trình đỉnh đập (+441) và thực hiện tốt công tác chống lũ trong mùa mưa năm 2011, cụ thể:

- Hoàn thành toàn bộ công tác đổ bê tông cửa nhận nước, đập dâng và đập tràn đến cao trình đỉnh đập 441m, tổng khối lượng bê tông còn lại: 15.047m³, kết thúc công việc trước 31/5/2011;
- Hoàn thành lắp đặt, hiệu chỉnh toàn bộ thiết bị cơ khí thủy công đập tràn, cửa nhận nước, cầu trục chân dê, cầu giao thông và các phụ kiện. Hoàn thiện toàn bộ công trình đầu mối trước tháng 6/2011.

b. Đường hầm dẫn nước

Hoàn thành toàn bộ công tác đào và đổ bê tông gia cố vĩnh cửu hầm dẫn nước, hầm áp lực dài 8.116m, cụ thể:

- Hoàn thành công tác đào và gia cố tạm hầm dẫn nước với khối lượng còn lại gần 500 m dài. Kết thúc công việc trước 20/5/2011;
- Hoàn thành công tác đổ bê tông gia cố vĩnh cửu hầm dẫn nước với tổng chiều dài bê tông bọc hầm là 2.457,8m. Kết thúc công việc trước 15/9/2011;
- Hoàn thiện công tác đổ bê tông tháp điều áp phần ngầm (cao 36m), bê tông hầm áp lực lót ống thép (1.156m) và bê tông trạc 3 trước nhà máy (843m³). Kết thúc toàn bộ công việc trước 30/9/2011.

c. Nhà máy

- Hoàn thành công tác đổ bê tông cốt thép giai đoạn 1: Bê tông bản đáy, tường biên và bê tông nhà máy đến cao trình sàn lắp máy (112,7m). Khối lượng bê tông nhà máy đã thực hiện trong quý I/2011: 1.650 m³. Dự kiến kết thúc công việc giai đoạn 1 trước 20/6/2011 với tổng khối lượng bê tông còn lại: 6.570 m³.
- Hoàn thành công tác đổ bê tông cốt thép giai đoạn 2: Bê tông kết cấu, bê tông chèn ống hút, buồng xoắn, bệ đỡ máy phát và bê tông gắn liền với thiết bị nhà máy, tổng khối lượng bê tông giai đoạn 2: 970 m³; Đồng thời thực hiện công tác nhập khẩu và lắp đặt thiết bị công nghệ nhà máy (tua bin, máy phát, trạm biến áp và các thiết bị phụ trợ: hệ thống cấp thoát nước, cứu hỏa, khí nén, thông gió,...). Hoàn chỉnh toàn bộ công tác lắp đặt, căn chỉnh, chạy thử, hòa đồng bộ các tổ máy và đưa vào vận hành trước tháng 12/2011.
- Xây dựng và hoàn thiện trạm phân phối điện ngoài trời (ORU) phục vụ việc đấu nối nhà máy điện vào lưới điện Quốc gia kết thúc 12/2011.

d. Đường dây 110 kV

- Hoàn thành toàn bộ công tác thi công đường dây 110 kV đấu nối từ Trạm ORU vào Hệ thống điện Quốc gia dài 19 km: trong quý II/2011.
- Phối hợp với các Chủ dự án nhà máy thủy điện trên địa bàn huyện Bát Xát (Công ty Sơn Vũ, Nam Tiến) đầu tư xây dựng hoàn thành dự án Trạm cắt Lào Cai 2 (Điểm đấu nối) trong quý III/2011.

e. Các công tác khác

- Hoàn thành công tác đền bù giải phóng mặt bằng, các dự án tái định canh, định cư của Dự án theo phương án đã được tỉnh Lào Cai phê duyệt.
- Thực hiện tốt công tác giải ngân vốn vay tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, vốn vay Thương mại theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết, đảm bảo nguồn vốn tự có đối ứng để thực hiện tiến độ giải ngân theo cam kết.
- Duy trì thường xuyên, đều đặn công tác giao ban sản xuất, tiến độ tại Công trường để điều phối công việc giữa các Nhà thầu, giữa các công tác giải phóng mặt bằng, tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát, thi công xây dựng và cung cấp, lắp đặt thiết bị; chỉ đạo và tháo gỡ kịp thời phát sinh trong quá trình thi công: giải quyết các phát sinh về thiết kế, dự toán..., đảm bảo công trình thi công liên tục.
- Đôn đốc nhà thầu tư vấn thiết kế cung cấp đầy đủ và kịp thời bản vẽ thi công và dự toán chi tiết các hạng mục công trình đáp ứng yêu cầu về tiến độ thi công trên công trường và tiến độ thi công được phê duyệt.

5.2 Dự án khu Đô thị thương mại Thủy Hoa

Hoàn chỉnh phương án và kế hoạch sản xuất kinh doanh, ký Hợp đồng tài trợ vốn và triển khai thực hiện đầu tư giai đoạn 1 của dự án (khu nhà chia lô, khu nhà biệt thự và toà nhà thương mại 5 tầng), huy động vốn từ tiền mua nhà ứng trước thông qua hình thức mua bán nhà ở hình thành trong tương lai.

5.3 Các công việc khác

Để đảm bảo nguồn vốn tự có đối ứng giải ngân trong năm 2011, ngoài việc tiếp tục tìm kiếm nhà đầu tư chiến lược và triển khai phương án phát hành

tăng vốn cổ phần lên 500 tỷ, đồng thời Công ty sẽ khẩn trương xúc tiến việc đàm phán thương thảo với đối tác nước ngoài việc tạm ứng trước nguồn bán CERs theo Hợp đồng mua bán chứng chỉ giảm phát thải của Dự án Thủy điện Ngòi Phát đã ký kết theo cơ chế phát triển sạch (CDM) được Liên Hợp Quốc phê chuẩn năm 2010;

Duy trì tốt và ổn định hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2000 và hệ thống quản lý văn phòng điện tử eOffice trong công ty. Tiếp tục hoàn thiện xây dựng thương hiệu và phát triển văn hóa doanh nghiệp, quan tâm tới đời sống cho CBCNV, tham gia hưởng ứng các công tác từ thiện xã hội, các hoạt động đoàn thể, quần chúng, gắn liền phát triển của Công ty với lợi ích của mọi thành viên trong Công ty.

Tiếp tục quan tâm chú trọng phát triển nguồn nhân lực, trong đó đặc biệt quan tâm đào tạo cán bộ quản lý về quản trị doanh nghiệp, ngoại ngữ. Thực hiện đào tạo tại chỗ và thường xuyên cử cán bộ tham gia các lớp học về quản lý dự án, quản trị tài chính doanh nghiệp, đấu thầu, tư vấn quản lý dự án,...để kịp thời cập nhật các văn bản hướng dẫn và quy định mới của Nhà nước.

IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2
Số 100 Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai
Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2 (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trịnh Hoàng Duy	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Lưu	Ủy viên
Ông Trương Chí Thành	Ủy viên
Ông Nguyễn Thanh Hoàn	Ủy viên
Bà Lê Thị Kim Khuyên	Ủy viên
Ông Phan Huy Chí	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Trương Chí Thành	Giám đốc
Ông Nguyễn Trung Hải	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Hải Đăng	Phó Giám đốc
Ông Vũ Mạnh Sơn	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2010)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Trương Chí Thành
Giám đốc

Lào Cai, ngày 15 tháng 3 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2

Số 100 Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai
Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu số B 01-ĐN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		177.953.096.047	133.221.013.314
A. (100=110+120+130+150)				
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	21.343.625.185	9.654.802.590
1. Tiền	111		563.959.098	654.802.590
2. Các khoản tương đương tiền	112		20.779.666.087	9.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		7.000.000.000	7.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	7.000.000.000	7.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		143.898.136.038	112.187.684.940
1. Phải thu khách hàng	131		2.188.230.601	3.447.844.062
2. Trả trước cho người bán	132	7	138.975.699.420	105.217.454.915
3. Các khoản phải thu khác	135	8	2.734.206.017	3.522.385.963
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.711.334.824	4.378.525.784
1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5.288.744.111	4.205.447.245
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		422.590.713	173.078.539
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+260)	200		433.116.388.588	222.100.787.517
I. Tài sản cố định	220		410.528.654.709	211.528.586.970
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	102.629.754	149.926.789
- Nguyên giá	222		1.876.013.280	1.862.504.189
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.773.383.526)	(1.712.577.400)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		971.461.818	-
- Nguyên giá	225		971.461.818	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		10.090.000	10.090.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(10.090.000)	(10.090.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	409.454.563.137	211.378.660.181
II. Tài sản dài hạn khác	260		22.587.733.879	10.572.200.547
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	10.540.533.879	10.572.200.547
2. Tài sản dài hạn khác	268	12	12.047.200.000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		611.069.484.635	355.321.800.831

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 17 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2

Số 100 Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai
Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		466.846.100.864	213.776.126.369
I. Nợ ngắn hạn	310		100.354.863.367	9.870.994.620
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	50.623.451.294	-
2. Phải trả người bán	312		41.346.441.861	7.852.106.446
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		232.357.377	10.784.158
4. Phải trả người lao động	315		2.014.456.093	595.882.402
5. Chi phí phải trả	316		4.554.085.286	767.114.531
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		1.584.071.456	645.107.083
II. Nợ dài hạn	330		366.491.237.497	203.905.131.749
1. Phải trả dài hạn khác	333		350.000.000	-
2. Vay và nợ dài hạn	334	14	366.141.237.497	203.905.131.749
B. NGUỒN VỐN (400=410)	400		144.223.383.771	141.545.674.462
I. Vốn chủ sở hữu	410	15	144.223.383.771	141.545.674.462
1. Vốn điều lệ	411		132.006.277.633	132.006.277.633
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		10.642.450.000	10.642.450.000
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		877.584.005	(1.103.053.171)
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		697.072.133	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		611.069.484.635	355.321.800.831

Trần Ngọc Thủy
Người lập

Lưu Chân Hưng
Kế toán trưởng

Trương Chí Thành
Giám đốc

Lào Cai, ngày 15 tháng 3 năm 2011

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 17 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2

Số 100 Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai
Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu số B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2010	2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		-	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		-	-
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11		-	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		-	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		1.314.885.330	1.225.018.644
7. Chi phí tài chính	22		-	101.982.926
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		-	900.611.370
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		1.314.885.330	222.424.348
11. Thu nhập khác	31		8.454.545	65.052.272
12. Chi phí khác	32		393.910.365	287.476.620
13. (Lỗ) khác (40=31-32)	40		(385.455.820)	(222.424.348)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		929.429.510	-
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		232.357.377	-
16. Lợi nhuận sau thuế sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		697.072.133	-
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	16	53	-

Trần Ngọc Thủy
Người lập

Lưu Chấn Hưng
Kế toán trưởng

Trương Chí Thành
Giám đốc

Lào Cai, ngày 15 tháng 3 năm 2011

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 17 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2

Số 100 Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai
Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu số B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2010	2009
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	929.429.510	-
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	-	155.049.011
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(1.314.885.330)	(1.225.018.644)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(385.455.820)	(1.069.969.633)
(Tăng) các khoản phải thu	09	(33.911.526.266)	(90.160.282.668)
(Tăng) hàng tồn kho	10	-	(215.550.955)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	11.391.139.765	(4.541.214.097)
Giảm chi phí trả trước	12	31.666.668	31.666.668
Tiền lãi vay đã trả	13	(4.713.732.320)	(166.661.000)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(12.047.200.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(39.635.107.973)	(96.122.011.685)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(141.854.403.885)	(79.849.871.774)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(7.000.000.000)
4. Thu tiền lãi cho vay	27	2.183.151.458	1.225.018.644
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(139.671.252.427)	(85.624.853.130)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	13.341.000.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	190.995.182.995	173.845.032.597
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	190.995.182.995	187.186.032.597
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	11.688.822.595	5.439.167.782
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	9.654.802.590	4.215.634.808
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	21.343.625.185	9.654.802.590

Thông tin bổ sung cho khoản phí tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 36.038.590.686 VND, là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán, nhưng bao gồm số tiền 7.852.106.446 VND mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang năm 2009 được chi trả trong năm 2010. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Trần Ngọc Thủy
Người lập

Lưu Chấn Hưng
Kế toán trưởng

Trương Chí Thành
Giám đốc

Lào Cai, ngày 15 tháng 3 năm 2011

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 17 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2

Số 100 Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai
Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÀU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2 (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng các Nhà máy Thủy điện được thành lập theo Quyết định số 04/QĐ/VC-TCLĐ ngày 02 tháng 01 năm 2003 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam. Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1203000019 lần đầu ngày 06 tháng 5 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp và các Giấy chứng nhận điều chỉnh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 47 (31 tháng 12 năm 2009: 41).

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: Đầu tư xây dựng vận hành các dự án thủy điện tại tỉnh Lào Cai và các tỉnh Miền Bắc, mua bán vật liệu xây dựng; Tư vấn thiết kế các công trình dân dụng, công nghiệp, cầu đường, cấp thoát nước, thủy điện, điện, thủy lợi; Nhận thầu xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, điện, bưu chính viễn thông, thủy lợi, giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu, cống, các công trình kỹ thuật, hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây, trạm biến thế, thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu, cấp, thoát nước, lắp đặt đường ống công nghệ và áp lực, điện lạnh và trang trí nội thất; Đầu tư kinh doanh bất động sản, nhà ở và văn phòng cho thuê; Kinh doanh nhà hàng, khách sạn, du lịch sinh thái, khu vui chơi giải trí; Sản xuất và mua bán, xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị, phục vụ xây dựng; Khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng: đá, cát, sỏi.



2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KÝ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31/12/2011. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2

Số 100 Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai
Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự. Tuy nhiên, theo đánh giá của Ban Giám đốc, tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010, Công ty không có nợ phải thu quá hạn, khó đòi cần phải trích lập dự phòng.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2010
	Số năm
Máy móc, thiết bị	6 - 7
Phương tiện vận tải	9 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 5

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay.

Tài sản thuê tài chính thể hiện giá trị của xe ô tô Toyota thuê từ Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê tài chính Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị phần mềm kế toán và phần mềm thiết kế đảo lắp. Các tài sản cố định vô hình này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 3 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Căn cứ vào Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 của Công ty ngày 17 tháng 4 năm 2010 về việc giao kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2010, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng, tất cả các khoản chi phí quản lý phát sinh trong 2010 hoàn toàn phục vụ cho Dự án Thủy điện Ngòi Phát và Dự án Khu đô thị thương mại Thủy Hoa. Theo đó, Công ty đã kết chuyển toàn bộ chi phí quản lý phát sinh trong năm 2010 với số tiền 11.077.307.092 VND vào giá trị đầu tư hai công trình nêu trên và phản ánh trên khoản mục "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" tại bảng cân đối kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2

Số 100 Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai
Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí quản lý chất lượng ISO 9001 đang được phân bổ và các chi phí đã trả của các hạng mục công trình chưa đủ điều kiện quyết toán.

Ngoại tệ

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi ngoại tệ các tài khoản này, bao gồm chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại, được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trong phần "Vốn chủ sở hữu" trên bảng cân đối kế toán. Khi công trình xây dựng nhà máy của Công ty hoàn thành, toàn bộ chênh lệch tỷ giá phát sinh thực tế lũy kế được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, phần chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại lũy kế được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian tối đa là 5 năm.

Ghi nhận doanh thu

Công ty đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng công trình thủy điện và dự án bất động sản tại Lào Cai. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty không phát sinh doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên cơ sở số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 04 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo. Mức thuế ưu đãi 10% được áp dụng trong thời gian 15 năm kể từ khi dự án đầu tư bắt đầu bước vào giai đoạn kinh doanh. Sau đó, Công ty sẽ áp dụng mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tại Việt Nam.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

ĐƠN
GON
CH NHU
DELI
VIET
01

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2

ô 100 Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai
ỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

HUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

ác thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Tiền mặt	190.168	120.068.437
Tiền gửi ngân hàng	563.768.930	534.734.153
Các khoản tương đương tiền (i)	20.779.666.087	9.000.000.000
	21.343.625.185	9.654.802.590

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng với mức lãi suất tùy theo quy định của từng ngân hàng tại từng thời điểm khác nhau.

ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

Đầu tư ngắn hạn phản ánh khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 1 năm với mức lãi suất tùy theo quy định của từng ngân hàng tại từng thời điểm khác nhau.

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần xây dựng số 11 - Vinaconex 11	2.000.000.000	2.000.000.000
	7.000.000.000	7.000.000.000

TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Điện lực Lào Cai	300.000.000	300.000.000
Công ty Cổ phần Vimeco	17.651.550.336	27.481.934.999
Công ty Xây dựng công trình Tuấn Vũ	3.262.623.000	2.334.734.403
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7 - Vinaconex 7	12.555.372.637	6.008.337.093
Công ty TNHH Xây dựng và Xây lắp Thủy điện tỉnh Triết Giang	25.750.897.031	26.521.606.188
Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp điện 4	-	3.088.946.000
Công ty ANDRITZ HYDRO Private Limited	51.745.772.379	37.676.100.000
Viện nghiên cứu thiết kế quy hoạch thủy lợi thành phố Bắc Kinh	-	942.155.102
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	732.660.729	399.343.637
Cục giám định Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng	200.000.000	100.000.000
Công ty Cổ phần LILAMA 3	11.338.600.000	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	13.781.235.383	-
Các đối tượng khác	1.656.987.925	364.297.493
	138.975.699.420	105.217.454.915

CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7 - Vinaconex 7 (i)	2.000.000.000	3.000.000.000
Các khoản phải thu khác	734.206.017	522.385.963
	2.734.206.017	3.522.385.963

(i) Phản ánh khoản cho Vinaconex 7 vay ngắn hạn 3 tháng với lãi suất là 0%.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2

Số 100 Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai
Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	* Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2010	296.757.388	1.200.889.655	364.857.146	1.862.504.189
Tăng trong năm	-	-	13.509.091	13.509.091
Tại ngày 31/12/2010	296.757.388	1.200.889.655	378.366.237	1.876.013.280
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ				
Tại ngày 01/01/2010	286.687.943	1.193.214.317	232.675.140	1.712.577.400
Khấu hao trong năm	2.083.332	2.192.956	56.529.838	60.806.126
Tại ngày 31/12/2010	288.771.275	1.195.407.273	289.204.978	1.773.383.526
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2010	7.986.113	5.482.382	89.161.259	102.629.754
Tại ngày 31/12/2009	10.069.445	7.675.338	132.182.006	149.926.789

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Công trình Thủy điện Ngòi Phát (i)	394.327.458.317	196.392.620.815
Công trình Khu đô thị Thủy Hoa	8.939.428.119	8.798.362.665
Công trình Thủy điện Chu Linh-Cốc San (ii)	4.257.321.341	4.257.321.341
Công trình Thủy điện Sứ Pán (ii)	480.355.360	480.355.360
Công trình Thủy điện Tà Thàng (ii)	1.450.000.000	1.450.000.000
	409.454.563.137	211.378.660.181

(i) Chi phí lãi vay được vốn hóa vào giá trị công trình khi các cổ đông chưa góp đủ vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 37.041.655.766 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009: 6.653.384.074 VND).

(ii) Công ty đang làm việc với Tổng Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (Vinaconex) và các bên liên quan để thống nhất cách xử lý các khoản chi phí phát sinh từ các năm trước cho các dự án đầu tư xây dựng cơ bản không khả thi. Việc điều chỉnh số liệu kế toán sẽ được thực hiện khi có quyết định chính thức của Vinaconex và các bên liên quan.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Chi phí trả cho các công trình chưa đủ điều kiện quyết toán (i)	10.535.256.104	10.535.256.104
Chi phí ISO	5.277.775	36.944.443
	10.540.533.879	10.572.200.547

(i) Công ty đang tạm theo dõi giá trị các hạng mục công trình chưa đủ điều kiện quyết toán với số tiền là 10.535.256.104 VND theo Báo cáo kiểm toán số 464/VAE-XD-NV/III ngày 09 tháng 7 năm 2005 của Công ty Kiểm toán và Định giá Việt Nam trên Tài khoản 242 - "Chi phí trả trước dài hạn". Công ty sẽ thực hiện điều chỉnh vào báo cáo tài chính khi có quyết định chính thức từ cơ quan có thẩm quyền.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2

Số 100 Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai
Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

Tài sản dài hạn khác thể hiện khoản ký quỹ mở L/C tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai theo thông báo mở L/C số 955 ngày 20 tháng 5 năm 2010 với mục đích nhập khẩu thiết bị cho Nhà máy Thủy điện Ngòi Phát từ nhà thầu của Ấn Độ với số tiền 12 tỷ VND và khoản ký quỹ với số tiền là 47,2 triệu VND tại Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam nhằm mục đích đảm bảo cho tài sản thuê tài chính là xe ô tô Toyota.

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (i)	36.797.000.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai (ii)	1.478.861.280	-
Vay dài hạn đến hạn trả	12.347.590.014	-
	50.623.451.294	-

(i) Ngày 31 tháng 7 năm 2010, Công ty ký kế ước vay vốn với Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (Vinaconex) với mục đích bổ sung vốn lưu động. Số tiền vay là 36.797.000.000 VND. Thời hạn vay là 6 tháng, từ ngày 31 tháng 7 năm 2010 đến ngày 31 tháng 01 năm 2011. Lãi suất cho vay là 14%/năm, lãi được tính hàng tháng và trả khi đáo hạn hợp đồng.

(ii) Ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty ký kế ước vay vốn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam với mục đích thanh toán tiền hàng nhập khẩu. Số tiền vay là 1.478.861.280 VND. Thời hạn vay là 1 tháng từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất vay cố định là 17%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, giá trị tài sản đảm bảo là 1.650.000.000 VND.

14. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (i)	298.226.056.511	158.990.185.749
Ngân hàng Phát triển Việt Nam (ii)	67.600.514.319	44.914.946.000
Công ty TNHH một thành viên cho thuê tài chính Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (iii)	314.666.667	-
	366.141.237.497	203.905.131.749

(i) Tại ngày 18 tháng 10 năm 2008, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch với hạn mức tối đa là 535,466 tỷ VND, thời hạn vay là 144 tháng để thực hiện thanh toán một phần chi phí đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Ngòi Phát. Khoản vay chịu lãi suất không vượt quá mức trần lãi suất cho vay theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam trong từng thời kỳ, được tính bằng $(=) 4\%/năm + \text{lãi suất tham chiếu (là lãi suất huy động tiết kiệm bình quân từ dân cư bằng VND của 3 Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao Dịch, Chi nhánh Từ Sơn và Chi nhánh Lào Cai)}$. Các tài sản đảm bảo bao gồm:

- Bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang của Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (Vinaconex) cho Công ty để vay vốn ngân hàng với giá trị bảo lãnh tối thiểu bằng tổng số tiền ngân hàng đã cam kết cho vay;
- Thế chấp cho Ngân hàng toàn bộ tài sản là quyền sử dụng đất, các công trình của dự án, kể cả nhà máy, cùng với các tòa nhà, công trình xây dựng và mọi bất động sản khác được xây dựng, nâng cấp và gắn liền hay tọa lạc vĩnh viễn tại "Dự án" hay trên khu đất trong thời điểm hiện tại và tương lai; Toàn bộ máy móc thiết bị (trong phạm vi tối đa được các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan cho phép) và các động sản khác liên quan đến hoặc thuộc về Dự án (cho dù đang có hay sẽ hình thành trong tương lai) của Công ty theo hợp đồng thế chấp;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2

Số 100 Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai
Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

HUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Ấn thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)

(ii) Tại ngày 18 tháng 10 năm 2008, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Phát triển Việt Nam - chi nhánh Lào Cai với hạn mức tối đa là 437,745 tỷ VND, thời hạn vay là 96 tháng để thực hiện thanh toán một phần chi phí đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Ngòi Phát. Khoản vay chịu lãi suất trong hạn là 11,4%/năm. Công ty dùng các tài sản hình thành sau đầu tư của Dự án và các tài sản khác thuộc sở hữu hợp pháp của Công ty để thế chấp khoản vay này.

(iii) Tại ngày 30 tháng 11 năm 2010, Công ty ký hợp đồng thuê tài chính với Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê tài chính Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam để thuê xe ô tô Toyota với số tiền là 472 triệu VND, thời hạn thuê là 3 năm kể từ ngày giải ngân. Tiền thuê bao gồm nợ gốc và lãi thuê tài chính được trả định kỳ 03 tháng một lần. Lãi suất cho thuê tài chính là lãi suất cho thuê cơ bản của đồng Việt Nam do Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê tài chính Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam công bố tại thời điểm thanh toán lần đầu tiên cho nhà cung cấp cộng (+) 0,3%/tháng và điều chỉnh 06 tháng 1 lần. Sau khi kết thúc hợp đồng thuê, tài sản sẽ được bán lại với giá tượng trưng là 2 triệu VND.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Trong vòng một năm	12.347.590.014	-
Trong năm thứ hai	46.592.023.668	12.347.590.014
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	139.461.404.337	139.304.071.004
Sau năm năm	180.087.809.492	52.253.470.731
	378.488.827.511	203.905.131.749
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	12.347.590.014	-
Số được trả sau 12 tháng	366.141.237.497	203.905.131.749

5. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2009	105.599.113.211	10.642.450.000	-	-	116.241.563.211
Nhận vốn góp	26.407.164.422	-	-	-	26.407.164.422
Chênh lệch tỷ giá	-	-	(1.103.053.171)	-	(1.103.053.171)
Tại ngày 01/01/2010	132.006.277.633	10.642.450.000	(1.103.053.171)	-	141.545.674.462
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	697.072.133	697.072.133
Chênh lệch tỷ giá	-	-	1.980.637.176	-	1.980.637.176
Tại ngày 31/12/2010	132.006.277.633	10.642.450.000	877.584.005	697.072.133	144.223.383.771

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1203000019 cấp lần đầu ngày 06 tháng 5 năm 2004 và các giấy phép điều chỉnh, tổng vốn điều lệ của Công ty là 500.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, vốn điều lệ đã được cổ đông góp như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2

Số 100 Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai
Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh			Vốn đã góp	
	Số cổ phần	Tỷ lệ	VND	31/12/2010	31/12/2009
Tổng công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	25.500.000	51,0%	255.000.000.000	72.109.777.633	72.109.777.633
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	5.000.000	10,0%	50.000.000.000	21.800.000.000	21.800.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình ngầm	1.900.000	3,8%	19.000.000.000	2.856.000.000	2.856.000.000
Công ty Cổ phần Vimeco	1.140.000	2,3%	11.400.000.000	6.387.000.000	6.387.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	16.460.000	32,9%	164.600.000.000	28.853.500.000	28.853.500.000
	50.000.000	100%	500.000.000.000	132.006.277.633	132.006.277.633

16. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	2010 VND	2009 VND
Lợi nhuận sau thuế	697.072.133	-
Cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm	13.200.628	11.831.849
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	53	-

17. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2010 VND	2009 VND
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Vimeco	61.136.600.343	7.695.809.993
Công ty Cổ phần Xây dựng số 11 - Vinaconex 11	1.006.552.959	4.878.213.779
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7 - Vinaconex 7	25.190.298.186	1.401.557.149
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình ngầm - Vinavico	-	4.174.586.759

Thu nhập của Ban Giám đốc

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	2010 VND	2009 VND
Lương	920.888.284	300.844.154
Các khoản thưởng, khác	134.400.000	44.121.000
	1.055.288.284	344.965.154

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2

Số 100 Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai
Tỉnh Lào Cai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan:

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Phải thu		
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7 - Vinaconex 7	2.029.611.670	3.008.275.190
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình ngầm - Vinavico	-	974.049.858
Công ty Cổ phần Xây dựng số 11 - Vinaconex 11	2.000.217.800	2.000.217.800
Công ty Cổ phần Vimeco	1.266.944.092	2.079.266.199
Trả trước cho người bán		
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7 - Vinaconex 7	12.555.372.637	6.008.337.093
Công ty Cổ phần Vimeco	17.651.550.336	26.169.383.179
Nhà máy bê tông Xuân Mai	150.000.000	2.541.989
Vay ngắn hạn		
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam - Vinaconex	36.797.000.000	-
Lãi vay ngắn hạn phải trả Tổng công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam - Vinaconex	3.148.187.778	-
Phải trả người bán		
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7 - Vinaconex 7	1.309.561.175	-
Công ty Cổ phần Vimeco	18.572.414.593	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 11 - Vinaconex 11	2.746.535.097	1.458.632.521
Công ty Cổ phần Xây dựng số 34 - Vinaconex 34	1.025.718.257	1.025.718.257
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình ngầm-Vinavico	2.436.375.131	2.436.375.131
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam - Vinaconex	3.075.666.649	-
Phải trả khác		
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam - Vinaconex	1.260.443.020	-

18. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.

Khoản mục	Số trước phân loại lại 31/12/2009 VND	Số sau phân loại lại 31/12/2009 VND	Chênh lệch VND	Tham chiếu
Các khoản tương đương tiền	17.000.000.000	9.000.000.000	(8.000.000.000)	<1>
Đầu tư ngắn hạn	2.000.000.000	7.000.000.000	5.000.000.000	<2>
Các khoản phải thu khác	522.385.963	3.522.385.963	3.000.000.000	<3>

<1> Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng cần được trình bày tại khoản mục "Đầu tư ngắn hạn" thay vì "Các khoản tương đương tiền";

<2> Do ảnh hưởng của việc phân loại lại khoản mục <1> và <3>

<3> Các khoản cho các đơn vị khác vay ngắn hạn dưới 1 năm cần được trình bày tại khoản mục "Các khoản phải thu khác" thay vì trình bày tại "Đầu tư ngắn hạn"

Trần Ngọc Thủy
Người lập

Lưu Chấn Hưng
Kế toán trưởng

Trương Chí Thành
Giám đốc

Lào Cai, ngày 15 tháng 3 năm 2011

V. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

1 Kiểm toán độc lập

Deloitte.

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Tầng 12A, Tòa nhà Vinaconex
34 Láng Hạ, Quận Đống Đa,
Hà Nội, Việt Nam
Tel : +84 (0)4 6288 3568
Fax: +84 (0)4 6288 5678
www.deloitte.com/vn

Số: 323 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2 (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 5 đến trang 17. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 2, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác, báo cáo kiểm toán được phát hành ngày 03 tháng 3 năm 2010 với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Cơ sở của ý kiến

Ngoại trừ các hạn chế phạm vi kiểm toán dưới đây, chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Hạn chế phạm vi kiểm toán

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010, Công ty chưa thực hiện đánh giá khả năng có thể thu hồi đối với các chi phí xây dựng cơ bản dở dang của các dự án không khả thi đã phát sinh từ các năm trước đang được theo dõi trên Tài khoản 241 "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" và Tài khoản 242 - "Chi phí trả trước dài hạn" với số tiền tương ứng là 6.187.676.701 VND và 2.938.961.039 VND. Do đó, chúng tôi không có cơ sở đưa ra ý kiến về các số liệu này cũng như ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục liên quan được trình bày trên báo cáo tài chính của Công ty.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những điều chỉnh cần thiết cho báo cáo tài chính do ảnh hưởng của các vấn đề hạn chế nêu trên, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Kiểm toán, Tư vấn Thuế, Tư vấn Tài chính, Tư vấn Giải pháp.

Thành viên
Deloitte Touche Tohmatsu Limited

BÁO CÁO KIỂM TOÁN (Tiếp theo)

Ý kiến (Tiếp theo)

Chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo tài chính tới Thuyết minh số 4 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, căn cứ vào Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 17 tháng 4 năm 2010 về việc giao kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2010, Công ty đã kết chuyển toàn bộ chi phí quản lý phát sinh trong năm 2010 vào giá trị các công trình đầu tư và phản ánh trên khoản mục "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" tại bảng cân đối kế toán với số tiền 11.077.307.092 VND.



Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0036/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 15 tháng 3 năm 2011
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Hoàng Văn Kiên
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1130/KTV

2.1.1
3A
1130

VI. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

1 Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức, công ty

Tổng công ty CP xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam (VINACONEX) nắm giữ 54,63% vốn điều lệ thực góp tại Công ty, tương ứng 7.210.977 cổ phần.

2 Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do tổ chức, công ty nắm giữ

Không có

3 Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan

Không có

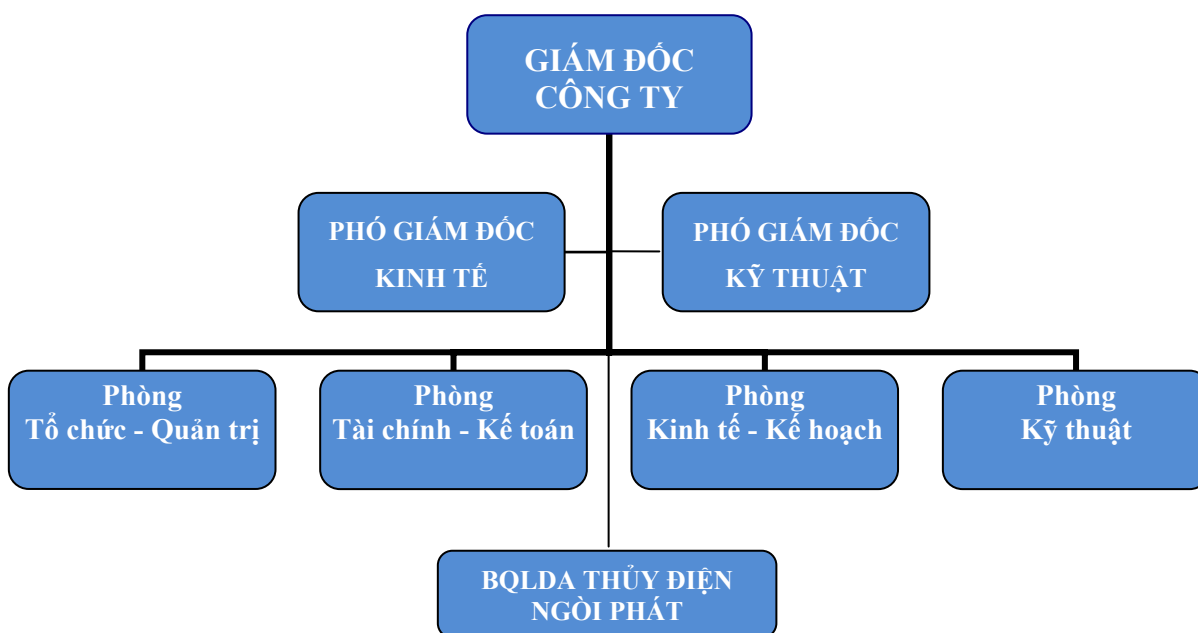
4 Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty liên quan

Hoạt động và tình hình tài chính của Tổng công ty CP xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam (VINACONEX) trong năm 2010 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2010
1	Tổng doanh thu	17.066.200.327
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	716.375.555
3	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	568.200.780
4	Lợi nhuận ròng	202.941.229
5	ROA	0,64%
6	ROE	5,34%
7	Tài sản	
8	Tổng tài sản lưu động ngắn hạn	17.607.783.750
9	Tổng tài sản	31.519.613.443
10	Nợ ngắn hạn	13.892.987.236
11	Tổng nợ	25.936.777.677
12	Vốn chủ sở hữu	3.794630.709

VII. TỔ CHỨC NHÂN SỰ

1 Cơ cấu tổ chức của Công ty



1.1 Phòng Tổ chức - Quản trị

Trưởng phòng : **Nguyễn Văn Kiển** Sinh năm 1957

Trình độ chuyên môn : Trung học Xây dựng

Chức năng chính của phòng:

Là đơn vị chuyên môn tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty trong các lĩnh vực:

- Xây dựng bộ máy quản lý, hệ thống tổ chức sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Xây dựng kế hoạch phát triển lực lượng lao động là cán bộ viên chức, chuyên viên, kỹ sư, nhân viên các Ngành, đủ phẩm chất và năng lực để đáp ứng cho nhu cầu phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Quản lý nhân lực thuộc tất cả các đối tượng lao động là cán bộ nhân viên Công ty.
- Theo dõi, hướng dẫn nghiệp vụ về công tác tổ chức - lao động - tiền lương - chế độ trong toàn Công ty.
- Quản lý công tác hành chính, bảo vệ, y tế trong toàn Công ty.
- Giám sát việc thực hiện các nội quy, quy chế, các chế độ chính sách của Nhà nước tại đơn vị cơ sở.
- Tham mưu, giúp việc cho chi ủy Công ty trong công tác quản lý và xây dựng Chi bộ.

1.2 Phòng Tài chính - Kế toán

Kế toán trưởng : **Lưu Chấn Hưng** Sinh năm 1963

Trình độ chuyên môn : Cử nhân tài chính

Chức năng chính của phòng:

Là đơn vị chuyên môn tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty trong các lĩnh vực:

- Chỉ đạo và thực hiện toàn bộ công tác tài chính - tín dụng - kế toán, thông tin kinh tế, tổ chức hạch toán kinh tế trong toàn Công ty.
- Huy động các nguồn vốn nhằm đáp ứng nhu cầu về vốn, vật tư, tài sản cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đồng thời xây dựng và duy trì các nguồn vốn nói trên.
- Hoạch định chiến lược tài chính, tín dụng đầu tư của Công ty trong kế hoạch ngắn hạn, dài hạn 5 - 10 năm của Công ty.
- Quản lý, bảo toàn và phát triển tiền vốn, tài sản của các cổ đông theo đúng những quy định chung của Pháp luật và Điều lệ Công ty về quản lý tài chính.
- Tổ chức công tác lên sàn giao dịch Chứng khoán và Bản cáo bạch theo luật định.
- Chịu trách nhiệm trước Giám đốc, HĐQT, Đại hội đồng cổ đông Công ty và Pháp luật về các thông tin tài chính kế toán, các báo cáo tài chính của toàn Công ty.

1.3 Phòng Kinh tế - Kế hoạch

Trưởng phòng : **Nguyễn Hải Đăng** Sinh năm: 1973

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

Ngoại ngữ : Chứng chỉ C Anh văn

Chức năng chính của phòng:

Là đơn vị chuyên môn tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty trong các lĩnh vực:

- Hoạch định kế hoạch dài hạn 5 năm, kế hoạch định hướng 10 năm của Công ty căn cứ các mục tiêu, chiến lược phát triển của Công ty; xây dựng, giám sát và quản lý kế hoạch sản xuất và kinh doanh hàng năm, hàng quý, hàng tháng trong toàn Công ty;
- Nghiên cứu, đánh giá cơ hội đầu tư; chỉ đạo tổ chức triển khai công tác chuẩn bị đầu tư theo quy định của pháp luật trong toàn Công ty;
- Tổ chức theo dõi, quản lý việc thực hiện các Hợp đồng liên doanh, liên kết; Hợp đồng kinh tế; Hợp đồng mua sắm thiết bị, Hợp đồng vay và cho vay;
- Lập kế hoạch đấu thầu, chủ trì thực hiện kế hoạch đấu thầu theo quy định đối với các dự án do Công ty làm chủ đầu tư; quản lý kinh tế các công trình, hạng mục công trình do Công ty tổ chức thực hiện; chỉ đạo và hướng dẫn nghiệp vụ xây dựng giá thành sản phẩm đối với các đơn vị sản xuất kinh doanh trong toàn Công ty;

1.4 Phòng Kỹ thuật

Phụ trách phòng : **Nguyễn Văn Hưng** Sinh năm 1978

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư thủy lợi

Chức năng chính của phòng:

Là đơn vị chuyên môn tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty trong các lĩnh vực:

- Chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác quản lý kỹ thuật, chất lượng công trình xây dựng và các sản phẩm hàng hoá khác, tiến độ thi công, biện pháp thi công, khối lượng thực hiện các dự án trong toàn Công ty;
- Xây dựng, hướng dẫn thực hiện, theo dõi, giám sát công tác bảo hộ, an toàn lao động, vệ sinh môi trường, vệ sinh công nghiệp các dự án trong toàn Công ty;
- Hoạch định xây dựng chiến lược phát triển khoa học công nghệ, tổ chức thực hiện các đề tài sáng kiến cải tiến kỹ thuật, chương trình ứng dụng công nghệ mới, kỹ thuật mới trong toàn Công ty;
- Chỉ đạo thực hiện, tổ chức theo dõi, hướng dẫn nghiệp vụ công tác quản lý vật tư - thiết bị của dự án, trang thiết bị kỹ thuật và xe máy trong toàn Công ty.

1.5 Ban Quản lý dự án thủy điện Ngòi Phát

Giám đốc Ban QLDA : **Phạm Huy Thức** Sinh năm: 1978

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Kỹ thuật

Ngoại ngữ : Chứng chỉ C Anh văn

Chức năng chính của Ban QLDA:

Là đơn vị chuyên môn có chức năng thay mặt Công ty để thực hiện việc quản lý, điều hành thực hiện dự án thủy điện Ngòi Phát, bao gồm nhưng không giới hạn ở các công việc sau:

- Thay mặt Công ty trong quan hệ với các cấp có thẩm quyền và các bên có liên quan để đảm bảo quyền lợi và thực hiện các nghĩa vụ của Công ty trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Ban Quản lý dự án được quy định tại Quy chế Ban Quản lý dự án;
- Quản lý chất lượng, khối lượng, tiến độ, chi phí xây dựng, an toàn và vệ sinh môi trường của dự án;
- Tổ chức bàn giao từng hạng mục và toàn bộ công trình để đưa vào khai thác sử dụng;
- Tổ chức bảo hành công trình.

2 Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành

Họ và tên	Chức vụ
Trương Chí Thành	Giám đốc
Nguyễn Hải Đăng	Phó Giám đốc
Nguyễn Trung Hải	Phó Giám đốc
Vũ Mạnh Sơn	Phó Giám đốc

2.1 Giám đốc Công ty

Họ và tên : **Trương Chí Thành**

Chức vụ : Giám đốc Công ty

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 17 tháng 02 năm 1967
Nơi sinh : Hà Nội
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Địa chỉ thường trú : 14-16 phố Hàng Vôi, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
Trình độ văn hoá : 12/12
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh (Đại học Université Libre de Bruxelles) Kỹ sư xây dựng (Trường Đại học Giao thông Vận tải)
Cử nhân Anh văn (Trường Đại học Ngoại ngữ-Đại học Quốc gia Hà Nội)
Email : truongchithanhvn@yahoo.com

a. *Quá trình công tác:*

Thời gian công tác	Chức vụ, địa vị công tác
1990 – 1992	Cán bộ Công ty Kim khí Hà Nội
1992 – 1993	Kỹ sư xây dựng, Văn phòng đại diện Công ty LUCKY SIX (Canada) tại Hà Nội
1993 – 1994	Kỹ sư xây dựng, Văn phòng đại diện Tập đoàn xây dựng KAJIMA (Nhật Bản) tại Hà Nội
1994 – 1995	Kỹ sư xây dựng, Công ty Vật tư và xây dựng công trình giao thông (Tổng Công ty xây dựng công trình giao thông 8 - CIENCO 8)
1995 – 2001	Điều phối viên, Văn phòng đại diện Tập đoàn xây dựng NISHIMATSU (Nhật Bản) tại Hà Nội
2001 – 2003	Kỹ sư xây dựng, Phó trưởng Ban chuẩn bị đầu tư các dự án thủy điện, Phó Trưởng phòng Đầu tư Tổng Công ty Xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam – VINACONEX
2003 – 2004	Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư VINACONEX 36
2004 – nay	Phó Giám đốc, Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2 (NEDI 2)

b. *Thành tích:*

Thời gian	Thành tích
2004	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở
2005	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, Bằng khen Tổng Công ty, Bằng khen Bộ Xây dựng
2006	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, Bằng khen Tổng Công ty, Bằng khen Bộ Xây dựng
2007	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, Bằng khen Tổng Công ty, Bằng khen Bộ Xây dựng
2008	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, Bằng khen Tổng Công ty, Bằng khen Bộ Xây dựng

2009	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, Bằng khen Tổng Công ty, Bằng khen Bộ Xây dựng
2010	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, Bằng khen Tổng Công ty, Bằng khen Bộ Xây dựng

2.2 Phó Giám đốc

Họ và tên	: Nguyễn Hải Đăng	Ngày sinh: 07/5/1973
Chức vụ	: Phó Giám đốc Công ty	
Giới tính	: Nam	
Nơi sinh	: Viện Quân y 103, phường Phúc La, thành phố Hà Đông, tỉnh Hà Tây	
Quốc tịch	: Việt Nam	
Dân tộc	: Kinh	
Địa chỉ thường trú	: Nhà 18/C5, Khu tập thể Học viện quân y, TP Hà Đông, HN	
Trình độ văn hoá	: 12/12	
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân kinh tế	
Email	: dang_nedi2@yahoo.com	

a. Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ, địa vị công tác
1996 – 2001	Nhân viên phòng Kinh tế - Kế hoạch Công ty Sông Đà 6
2001 – 2002	Phó Trưởng phòng Kinh tế - Kế hoạch, Bí thư Đoàn thanh niên CSHCM Công ty Sông Đà 6
2002 – 2003	Trưởng phòng Kinh tế - Kế hoạch, Bí thư Đoàn thanh niên CSHCM Công ty Sông Đà 6
2003 – 2004	Trưởng phòng Kinh tế - Kế hoạch Ban Quản lý đầu tư và xây dựng các nhà máy thủy điện (Tổng Công ty Xuất nhập khẩu xây dựng Việt Nam - VINACONEX)
7/2004 - 7/2007	Trưởng phòng Kinh tế - Kế hoạch, Chủ tịch Công đoàn Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
7/2007 – nay	Phó giám đốc Công ty, Trưởng phòng Kinh tế - Kế hoạch, Chủ tịch Công đoàn Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2

b. Thành tích:

Thời gian	Thành tích
2004	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, Bằng khen Tổng Công ty
2005	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, Bằng khen Tổng Công ty
2006	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, Bằng khen Tổng Công ty, Bằng khen Bộ Xây dựng
2007	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, Bằng khen Tổng Công ty, Bằng khen Bộ Xây dựng

2008	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, Bằng khen Tổng Công ty, Bằng khen Bộ Xây dựng
2009	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, Bằng khen Tổng Công ty, Bằng khen Bộ Xây dựng
2010	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, Bằng khen Tổng Công ty, Bằng khen Bộ Xây dựng

2.3 Phó Giám đốc

Họ và tên : **Nguyễn Trung Hải** Ngày sinh 03/3/1959
 Chức vụ : Phó Giám đốc Công ty
 Giới tính : Nam
 Nơi sinh : Hà Nội
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Địa chỉ thường trú : Phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
 Trình độ văn hoá : 10/10
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí chế tạo (Đại học Cơ điện Thái Nguyên)

a. Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ địa vị công tác
1982 – 1983	Kỹ thuật trưởng cơ khí, Công ty Xây dựng thủy công (Tổng công ty Sông Đà)
1984 – 1985	Giám đốc xưởng cơ khí, Công ty xây dựng thủy công
1985 – 1989	Phó trưởng phòng quản lý cơ giới, phó tổng đội bơm bê tông Nhật Công ty xây dựng thủy công
1990 – 1991	Kỹ sư trưởng nhà máy nghiền sàng tại công trình Badushdamp, Cộng hòa Irap – Hợp tác lao động
1991 – 1993	Trưởng ban quản lý vật tư thiết bị Công ty xây dựng VINACONCO 3 +
2003 – 2006	Phó Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
3/2006 - 7/2007	Trưởng phòng kỹ thuật Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
7/2007 – nay	Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2

b. Thành tích:

Thời gian	Thành tích
2004	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở
2006	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở
2007	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, Bằng khen Tổng Công ty, Bằng khen Bộ Xây dựng

2008	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, Bằng khen Tổng Công ty, Bằng khen Bộ Xây dựng
2009	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, Bằng khen Tổng Công ty, Bằng khen Bộ Xây dựng
2010	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, Bằng khen Tổng Công ty, Bằng khen Bộ Xây dựng

2.4 Phó Giám đốc

Họ và tên : **Vũ Mạnh Sơn** (miễn nhiệm ngày 31/03/2010)
 Chức vụ : Phó Giám đốc Công ty
 Giới tính : Nam
 Ngày sinh : 27 tháng 02 năm 1956
 Nơi sinh : Xã Đồng Hương - Huyện Kim Sơn - Tỉnh Ninh Bình
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Địa chỉ thường trú : Kiến Hưng - Thị xã Hà Đông - Tỉnh Hà Tây
 Trình độ văn hoá : 10/10
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư vật liệu xây dựng
 Email : son_nedi2@yahoo.com

a. Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ địa vị công tác
1975 – 1978	Bộ đội Lữ đoàn 204 - Bộ tư lệnh Pháo binh
10/1978 – 10/1983	Học tại trường Đại học xây dựng Hà Nội
6/1984 – 2/2003	Công tác tại Tổng công ty Xây dựng Sông Đà
03/2003 – 09/2004	Giám đốc Xí nghiệp thủy công chuyên ngành, Tổng công ty VINACONEX
10/2004 – 10/2007	Phó giám đốc công ty VIMECO - Tổng công ty VINACONEX
11/2007 – 12/2008	Giám đốc Công ty cổ phần Khai thác đá Yên Bình, Tổng công ty VINACONEX
1/2009 – 03/2010	Phó giám đốc Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2

b. Thành tích:

Thời gian	Thành tích
2003	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, Bằng khen Tổng Công ty, Bằng khen Bộ Xây dựng
2009	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, Bằng khen Tổng Công ty, Bằng khen Bộ Xây dựng

3 Thay đổi Giám đốc điều hành trong năm

Không có

4 Quyền lợi của Ban Giám đốc

Quyền lợi của Ban Giám đốc bao gồm tiền lương và các chế độ phụ cấp, tiền thưởng khác được quy định tại Điều lệ và Quy chế trả lương của Công ty.

Quỹ lương hàng năm của Giám đốc và các thành viên Ban Giám đốc được Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt và được thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm.

- Tiền lương của Ban Giám đốc năm 2010 : 1.055.288.284 đồng
- Các quyền lợi khác của Ban Giám đốc năm 2010 : Không có

5 Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách với người lao động

5.1 Số lượng cán bộ, nhân viên

Tính đến ngày 31/12/2010, tổng số lao động của Công ty là 54 người.

a. *Cơ cấu lao động của Công ty theo đơn vị nghiệp vụ, chức năng:*

- Ban Giám đốc 03 người
- Phòng Tổ chức - Quản trị 04 người
- Phòng Tài chính - Kế toán 05 người
- Phòng Kinh tế - Kế hoạch 03 người
- Phòng Kỹ thuật 07 người
- Ban Quản lý dự án thủy điện Ngòi Phát 32 người

b. *Cơ cấu lao động của Công ty theo trình độ chuyên môn:*

- Thạc sỹ, cao học 01 người
- Đại học 33 người
- Cao đẳng 05 người
- Trung học chuyên nghiệp 05 người
- Lao động có tay nghề 10 người

5.2 Chính sách với người lao động

Công ty đã ban hành chính sách với người lao động, bao gồm Nội quy lao động, Thỏa ước lao động tập thể, Quy chế tuyển dụng nhân lực, Quy chế quản lý cán bộ nhân viên, Quy chế tiền lương, Quy chế trả lương phù hợp với Điều lệ Công ty và pháp luật lao động hiện hành.

a. *Chế độ làm việc*

Công ty luôn tuân thủ quy định của pháp luật về lao động về chế độ làm việc 8 giờ/ngày và chế độ nghỉ ngơi hợp lý, thực hiện ký hợp đồng lao động với toàn bộ lao động trong Công ty. Các chế độ chính sách khác đối với người lao động như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, thời gian nghỉ phép, lễ tết, ốm, thai sản đều được tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Lao động.

b. *Chính sách đào tạo*

Đoàn kết, trung thực, cởi mở, hợp tác, luôn có ý thức tự hoàn thiện bản thân là giá trị cốt lõi trong chiến lược phát triển con người của NEDI 2. Do đó, cán bộ nhân viên của Công ty luôn được khuyến khích và tạo điều kiện học tập, nghiên cứu và phát triển để có chất lượng công việc cao hơn và thỏa mãn ngày càng tốt hơn các nhu cầu và mong đợi của khách hàng. Thông qua môi trường làm việc và chính sách đào tạo tại Công ty, người lao động được định hướng hành động vào việc luôn có ý thức tự hoàn thiện bản thân, xây dựng văn hoá doanh nghiệp nhằm biến vị thế và cơ hội của Công ty ngày hôm nay thành hiện thực tăng trưởng và phát triển vượt bậc hơn nữa trong tương lai, xây dựng Công ty NEDI 2 phát triển về mọi mặt, được khách hàng trong và ngoài nước tín nhiệm, được xã hội thừa nhận.

Công ty coi đào tạo là phương thức hỗ trợ quá trình phát triển nghề nghiệp cho người lao động. Mọi thành viên đều được khuyến khích nâng cao trình độ và kiến thức chuyên môn, dưới hình thức tham gia các khoá học của Công ty tổ chức hoặc tham gia các khoá học tập trung ngắn hạn, dài hạn bên ngoài. Bên cạnh đó, công tác đào tạo tại chỗ thông qua công việc với sự hướng dẫn của các trưởng bộ phận đối với người lao động chiếm một vai trò đặc biệt quan trọng. Mọi thành viên mới gia nhập Công ty đều được đào tạo theo phương thức này đã trưởng thành rất nhanh chóng.

Khi với những vị trí công việc cần thiết, Công ty tạo điều kiện cho cán bộ nhân viên có cơ hội tham khảo kinh nghiệm nước ngoài để trau dồi, cập nhật kiến thức chuyên môn.

c. Chính sách tiền lương, tiền thưởng

Chính sách tiền lương - tiền thưởng, xếp lương, nâng mức lương và phân phối tiền lương, thu nhập cho cán bộ, công nhân viên được xây dựng nhằm đảm bảo công bằng, hợp lý, tuân thủ chính sách của nhà nước về tiền lương, tiền thưởng và các chế độ thu nhập khác, khuyến khích người lao động không ngừng nâng cao năng suất lao động, tạo sự gắn bó của mỗi cán bộ công nhân viên với sự phát triển của Công ty, tạo điều kiện cho người lao động có trình độ chuyên môn, năng lực được hưởng lương tương xứng với cống hiến của họ.

Hàng năm, căn cứ hệ thống thang bảng lương thống nhất trong toàn Công ty, hệ số tiền lương – tiền thưởng của từng vị trí công việc mà người lao động đảm nhận đều được Công ty tiến hành xem xét, đánh giá, chấm điểm chi tiết để quyết định dựa trên các tiêu chí:

- Trình độ chuyên môn, các kỹ năng được đào tạo;
- Mức độ thách thức, sáng tạo của công việc;
- Tinh thần trách nhiệm và ý thức tổ chức kỷ luật;

6 Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng:

Miễn nhiệm chức danh Phó Giám đốc Công ty đối với ông Vũ Mạnh Sơn vì lý do gia đình và sức khoẻ bản thân theo Quyết định số 144 QĐ/NEDI2-HĐQT ngày 31/03/2010 của Hội đồng quản trị Công ty.

VIII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG/THÀNH VIÊN GÓP VỐN VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**1 Hội đồng quản trị, Chủ tịch và Ban kiểm soát****1.1 Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát**

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		
Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
Trịnh Hoàng Duy	Chủ tịch	Thành viên độc lập không điều hành
Lê Thị Kim Khuyên	Thành viên	Thành viên độc lập không điều hành
Trương Chí Thành	Thành viên	Kiểm Giám đốc
Nguyễn Đức Lưu	Thành viên	Thành viên độc lập không điều hành
Phan Huy Chí	Thành viên	Thành viên độc lập không điều hành
Nguyễn Thanh Hoàn	Thành viên	Thành viên độc lập không điều hành
BAN KIỂM SOÁT		
Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
Đặng Thanh Huấn	Trưởng ban	Thành viên độc lập không điều hành
Hoàng Trọng Thạch	Thành viên	Thành viên độc lập không điều hành
Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên	Thành viên độc lập không điều hành

1.2 Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2010

Trong năm 2010, Hội đồng quản trị đã tiến hành họp và ban hành các nghị quyết, quyết định về xây dựng và định hướng cho Ban Giám đốc Công ty thực hiện các chương trình hành động tích cực và đồng bộ, đảm bảo hoạt động có hiệu quả và tuân thủ đúng Điều lệ Công ty như sau:

Ngày	Nội dung	Loại báo cáo
13/03/2010	Thông qua chương trình ĐHCĐ năm 2010; kế hoạch niêm yết cổ phiếu của Công ty trên thị trường giao dịch chứng khoán của công ty đại chúng chưa niêm yết UPCoM; nhân sự bộ máy lãnh đạo Công ty, các vấn đề khác có liên quan	Nghị quyết 01/2010/NEDI2- HĐQT
15/05/2010	Thông qua việc mở thư tín dụng và các giao dịch bảo lãnh, tín dụng tại Techcombank Lào Cai để thanh toán cho gói thầu TB-02 theo Thỏa thuận hợp đồng số 02TB-TDNP ngày 28/10/2009 về việc: "Cung cấp, lắp đặt thiết bị cơ điện đồng bộ, và các dịch vụ kỹ thuật", dự án thủy điện Ngòi Phát	Nghị quyết 02/2010/NEDI2- HĐQT
28/05/2010	Phê duyệt kế hoạch tuyển dụng - đào tạo vận hành cho nhà máy thủy điện Ngòi Phát, mô hình tổ chức hoạt động của Nhà máy khi đi vào vận hành.	Nghị quyết 02A/2010/NEDI2- HĐQT
20/10/2010	Chấp thuận chủ trương bổ sung nhà thầu thành viên vào tổ hợp của nhà thầu xây lắp để thực hiện dự án thủy điện Ngòi Phát	Nghị quyết 03/2010/NEDI2- HĐQT
09/12/2010	Ước thực hiện kế hoạch SXKD năm 2011 của	Nghị quyết

	Công ty; phương án tái cơ cấu cổ đông Công ty và phương án phát hành tăng vốn cổ phần Công ty lên 500 tỷ đồng; phương án sản xuất kinh doanh Dự án khu đô thị thương mại Thủy Hoa và thành lập Ban quản lý dự án; các vấn đề khác của Công ty	04/2010/NEDI2-HĐQT
2010	Phê duyệt các về các gói thầu xây lắp, thiết bị và các vấn đề khác phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2010	191 Quyết định của HĐQT

1.3 Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2010

Trong năm 2010, Ban kiểm soát đã tổ chức cuộc họp định kỳ quý, năm và tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị công ty. Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và của Công ty (Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty ...) trong việc quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2010, cụ thể:

- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị.
- Xem xét tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc.
- Tham gia ý kiến, đưa ra các kiến nghị với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty trong năm.
- Kiểm tra, giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2010 đối với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.
- Thẩm tra các Báo cáo tài chính quý, năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính. Đồng thời, phối hợp với kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến báo cáo tài chính; giám sát việc thực thi những kiến nghị do kiểm toán độc lập đưa ra.
- Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty theo quy định của pháp luật.

1.4 Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành

Tổng mức thù lao và chi phí của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát trong năm 2010 là 508.800.000 đồng, trong đó của Hội đồng quản trị là 390.000.000 đồng, của Ban kiểm soát là 118.800.000 đồng.

Giá trị các khoản thù lao và chi phí chi tiết cho từng người cụ thể như sau:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		
Chức danh	Chủ tịch	Thành viên
Thù lao	6.000.000 đ/tháng	4.800.000 đ/tháng
Chi phí điện thoại	500.000 đ/tháng	500.000 đ/tháng
BAN KIỂM SOÁT		
Chức danh	Trưởng ban	Thành viên
Thù lao	3.600.000 đ/tháng	2.400.000 đ/tháng

Chi phí điện thoại	500.000 đ/tháng	500.000 đ/tháng
--------------------	-----------------	-----------------

GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

Lương cố định	24.000.000 đ/tháng
Chi phí điện thoại	1.500.000 đ/tháng
Tiền ăn trưa	600.000 đ/tháng
Tiền trang bị đồng phục	1.500.000 đ/năm

Ngoài các quyền lợi trên, các lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành được quy định theo Điều lệ công ty và các văn bản chính sách hiện hành của nhà nước đối với công ty cổ phần.

1.5 Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

Họ và tên	Chứng chỉ đào tạo
Lê Thị Kim Khuyên	Thạc sỹ quản trị doanh nghiệp
Trương Chí Thành	Thạc sỹ quản trị doanh nghiệp
Nguyễn Thanh Hoàn	Thạc sỹ quản trị doanh nghiệp

1.6 Tỷ lệ sở hữu, đại diện cổ phần/vốn góp và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần/vốn góp của thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên	Thời điểm 31/12/2009		Thời điểm 31/12/2010		Thay đổi
	Số CP	Tỷ lệ	Số CP	Tỷ lệ	
Trịnh Hoàng Duy	3.599.720	27,27%	3.599.720	27,27%	-
Lê Thị Kim Khuyên	2.180.000	16,51%	2.180.000	16,51%	-
Trương Chí Thành	1.530.169	11,98%	1.530.169	12,02%	0,04%
Nguyễn Đức Lưu	1.530.169	11,59%	1.530.169	11,59%	-
Phan Huy Chí	700.000	5,3%	700.000	5,3%	-
Nguyễn Thanh Hoàn	285.600	2,16%	285.600	2,16%	-

1.7 Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc điều hành và những người liên quan

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Họ và tên	Chức vụ	Giao dịch cổ phiếu
Trịnh Hoàng Duy	Chủ tịch	Không phát sinh
Lê Thị Kim Khuyên	Thành viên	Không phát sinh
Trương Chí Thành	Thành viên	Phát sinh tăng 5.800 cổ phần
Nguyễn Đức Lưu	Thành viên	Không phát sinh
Phan Huy Chí	Thành viên	Không phát sinh
Nguyễn Thanh Hoàn	Thành viên	Không phát sinh

BAN KIỂM SOÁT

Họ và tên	Chức vụ	Giao dịch cổ phiếu
Đặng Thanh Huân	Trưởng ban	Không phát sinh
Hoàng Trọng Thạch	Thành viên	Không phát sinh

Nguyễn Thị Thu Hà Thành viên Không phát sinh

BAN GIÁM ĐỐC

Họ và tên	Chức vụ	Giao dịch cổ phiếu
Nguyễn Hải Đăng	Phó Giám đốc	Phát sinh tăng 200 cổ phần
Nguyễn Trung Hải	Phó Giám đốc	Phát sinh tăng 100 cổ phần

1.8 Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký với công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát và những người liên quan

Không có

2 Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn

2.1 Thông tin chung về cơ cấu cổ đông

Cổ đông	Số lượng	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
---------	----------	-------------------	--------------

Pháp nhân

- Trong nước
- Nước ngoài

Thế nhân

- Trong nước
- Nước ngoài

Tổng cộng

2.2 Cổ đông/thành viên góp vốn Nhà nước

Không có

2.3 Thông tin chi tiết về cổ đông lớn

Tên cổ đông	Địa chỉ	Ngành nghề hoạt động	Cổ phần nắm giữ Số lượng Tỷ lệ	Biến động tỷ lệ SH
Tổng Công ty CP xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam	34 Láng Hạ, thành phố Hà Nội	Xây dựng	7.210.977 54,63%	0
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	191 Bà Triệu, thành phố Hà Nội	Ngân hàng	2.180.000 16,51%	0
Công ty CP chứng khoán SME	39A Ngõ Quyền, thành phố Hà Nội	Chứng khoán	700.000 5,30%	0

2.4 Cổ đông/thành viên góp vốn nước ngoài

Không có

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
ĐIỆN MIỀN BẮC 2
ĐIỆN MIỀN BẮC 2
TP. LAO CAI - T. LAO CAI
GIÁM ĐỐC
Trương Chí Thành